

BUSINESS

VIDEO
MUSIC
FILMS
SEARCH
CONTACTS
MESSAGES

SHOW BUSINESS
NETWORK
MUSIC
BUSINESS
BUSINESS

LOADING 100%

110101010101001
001010101010101
110101010101011
110101010101011
101101010101010
11111100010101010
10110101111
101010101010101
110101010101010
11111101010101010
110101010101010

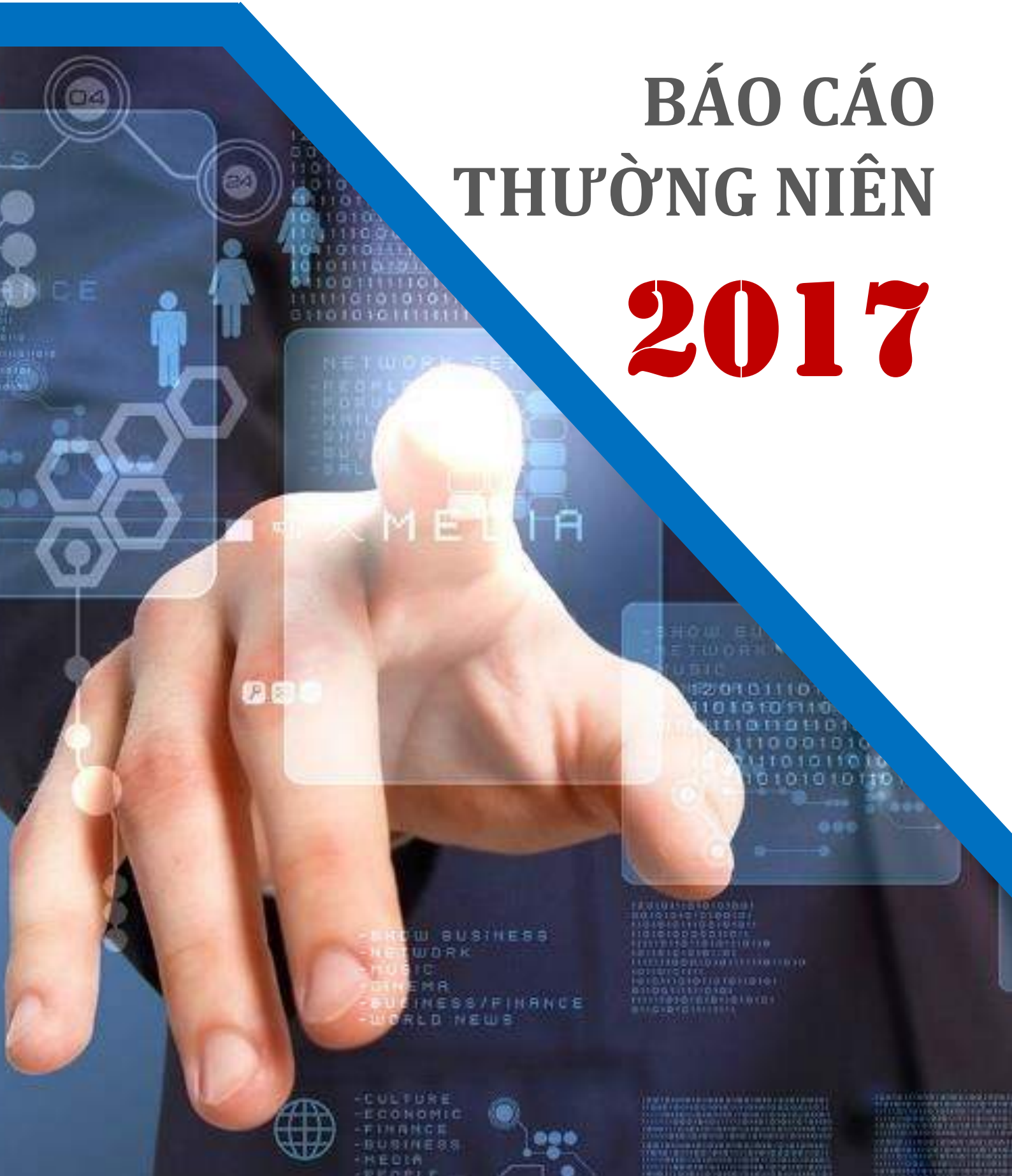
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ 70-72 Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại 0290.3839220- 3838282
Fax 0290.3834358- 3836893
Website www.tncm.com.vn
Email info@tncm.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2017**



01

THÔNG TIN CHUNG

19

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

43

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC





55

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

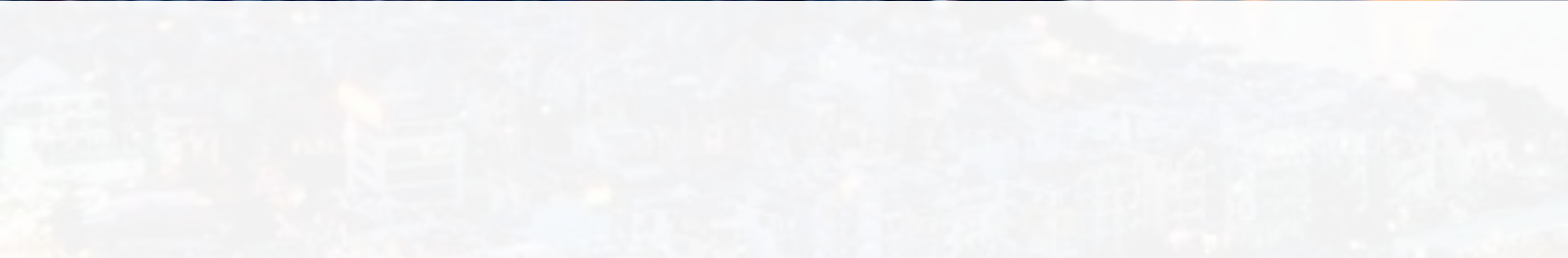
63

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

THÔNG TIN CHUNG



An aerial night view of a city, showing a highway with traffic and city lights. The image is used as a background for the text boxes.

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên giao dịch	CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY - CAMEX
Tên viết tắt	CAMEX
Giấy CNĐKDN số	2000110221 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp (cấp lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 cấp ngày 01/12/2007).
Vốn điều lệ	121.039.120.000 VNĐ
Địa chỉ	70 - 72 Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Số điện thoại	0290.3839220 - 3838282
Số fax	0290.3834358 - 3836893
Website	www.tncm.com.vn
Email	info@tncm.com.vn
Mã cổ phiếu	CMV

Logo của Công ty





Năm 1980

Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trước đây là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980.

Năm 1987 - 1996

Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty XNK thị xã (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh truyền hình Minh Hải (6/1996).

Năm 1992

Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

Năm 2009

Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cho CBCNV.

Năm 2010

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%. Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV

Năm 2012

Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành Esop cho cán bộ công nhân viên tỷ lệ 5% và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%. Vốn điều lệ là 121.039.120.000 đồng.

Năm 2017

- Ngày 19/10/2017 SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại công ty.

Năm 2007

- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau.
- Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau.
- Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX).
- Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động theo giấy Chứng Nhận

Năm 2016

Ngày 01/01/2016, thành lập Cửa hàng Điện Máy Lê Lợi.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Qua chặng đường khẳng định vị thế trên thương trường, Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã không ngừng củng cố hoàn thiện và phát triển toàn diện về mọi mặt. Kết quả sản xuất kinh doanh cùng những thành tích tiêu biểu của Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã có những thành tích xuất sắc như:



- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.



- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013



- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam), 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015, (Top 100 Thương hiệu VN)
- Giấy khen ngày 27/01/2014 của Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.



- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.
- Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cà Mau (1999 - 2014).



- Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định số 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của BHXH Việt Nam về thành tích “Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014”.



- Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014”.
- Từ năm 2016 đến nay, với những thành tích trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã được vinh dự xếp hạng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty cổ phần Báo Cáo Việt Nam (VN Report) phối hợp với Vietnamnet thực hiện.
- Ngày 19/10/2017 SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại công ty.

Những thành quả nói trên của CTCP Thương nghiệp Cà Mau là sự kết tinh của khoa học kĩ thuật hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt, của Ban lãnh đạo công ty. Bên cạnh đó, không thể không kể đến mối quan hệ hợp tác tốt của rất nhiều các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước đã luôn đồng hành và sát cánh cùng Công ty để tạo nên những thành công như ngày hôm nay.





Công Ty Cổ Phần Thương nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp chuyên kinh doanh nội thương. Trải qua hơn 25 năm hoạt động, công ty ngày một phát triển lớn mạnh cả về cơ cấu tổ chức, hiệu quả kinh doanh và đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

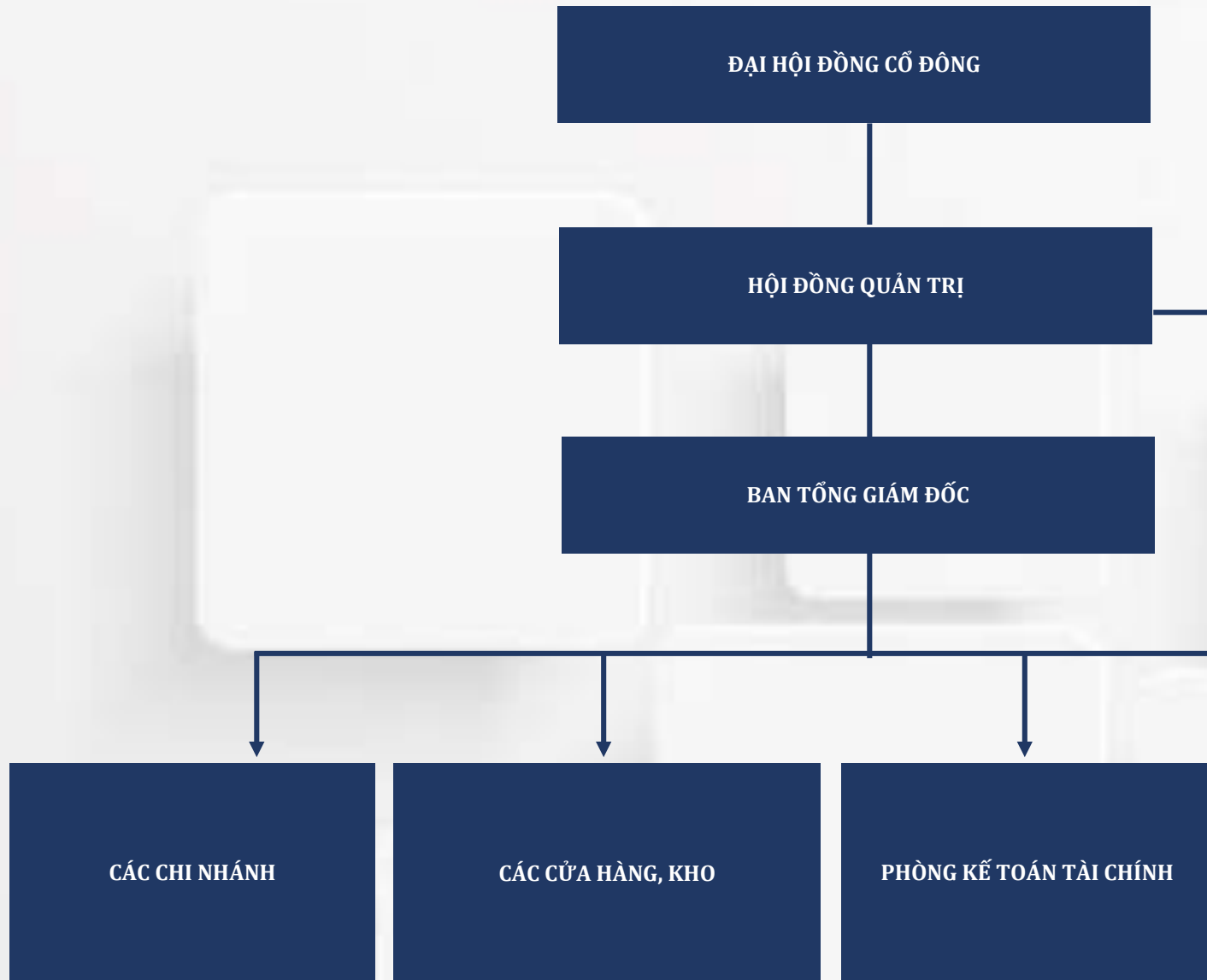
- Kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng.
- Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác.
- Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát. Bán buôn thuốc lá điếu các loại.
- Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
- Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, dày dép.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; san lấp mặt bằng.
- Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh và các cây ăn quả, cây lâu năm.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Đến nay Công ty có 04 chi nhánh và 44 cửa hàng trực thuộc trải đều khắp các huyện, thành phố trong tỉnh và các vùng lân cận như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



BAN KIỂM SOÁT

**PHÒNG
HÀNH CHÍNH,
NHÂN SỰ**

**PHÒNG
KINH DOANH**

Công ty con, Công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31.12.2017 Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có 02 Công ty con ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu. Với chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hóa, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

- **Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex):**
 - Địa chỉ: Số 232 đường Lý Văn Lâm, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 - Điện thoại: (0290) 3383 1800
 - Fax: (0290) 3383 1800
 - Email: bachviet@tncm.com.vn
 - Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.
 - Tóm tắt tình hình tài chính năm 2017:

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn điều lệ	12.000.000.000
2	Tổng doanh thu	321.251.446.906
3	Tổng giá vốn hàng bán	305.731.563.492
4	Lợi nhuận trước thuế	3.802.079.454
5	Lợi nhuận sau thuế	3.036.907.488

- **Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex)**
 - Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, phường 3, Thành phố Bạc Liêu
 - Điện thoại: (0291) 3824419
 - Fax: (0291) 3959590
 - Ngành nghề kinh doanh: In ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, in nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.
 - Email: kinhdoanh.inbaclieu@gmail.com
 - Tóm tắt tình hình tài chính năm 2017:

Đơn vị: Đồng

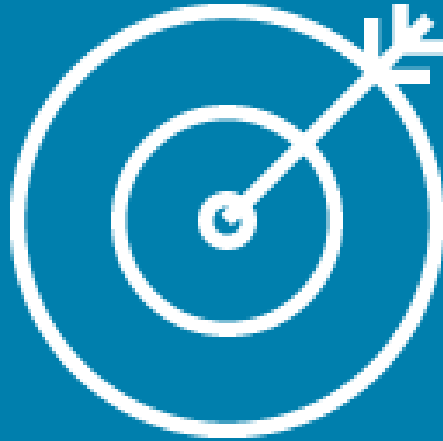
STT	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn điều lệ	9.239.500.000
2	Tổng doanh thu	47.911.371.487
3	Tổng giá vốn hàng bán	37.957.726.767
4	Lợi nhuận trước thuế	5.236.351.712
5	Lợi nhuận sau thuế	4.112.036.505

- **Các Công ty liên kết:** Không.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty, Công ty mở rộng thị phần duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông, nâng cao đời sống của người lao động.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược ngắn hạn

- Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau, với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đắc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh. Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này.
- Phấn đấu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường ở tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng.

Chiến lược dài hạn

- Phát huy lợi thế tối đa các ngành nghề khác để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...
- Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu của công ty phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- Mục tiêu đối với môi trường

Công ty thường tổ chức các chương trình đào tạo cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ công nhân viên đi đôi với việc ban hành các chính sách hỗ trợ để nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung những quy định, chế tài về bảo vệ môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm những hành vi thiếu trách nhiệm với môi trường.

- Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Ban Lãnh đạo Công ty còn chú trọng hoạt động đoàn thể và công tác xã hội, từ đó góp phần củng cố niềm tin với khách hàng, tạo được sự gắn bó trong nội bộ đồng thời thu hút lao động có chuyên môn cao. Việc có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng đang được xem là mục tiêu phát triển bền vững mà Công ty luôn hướng tới.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế:



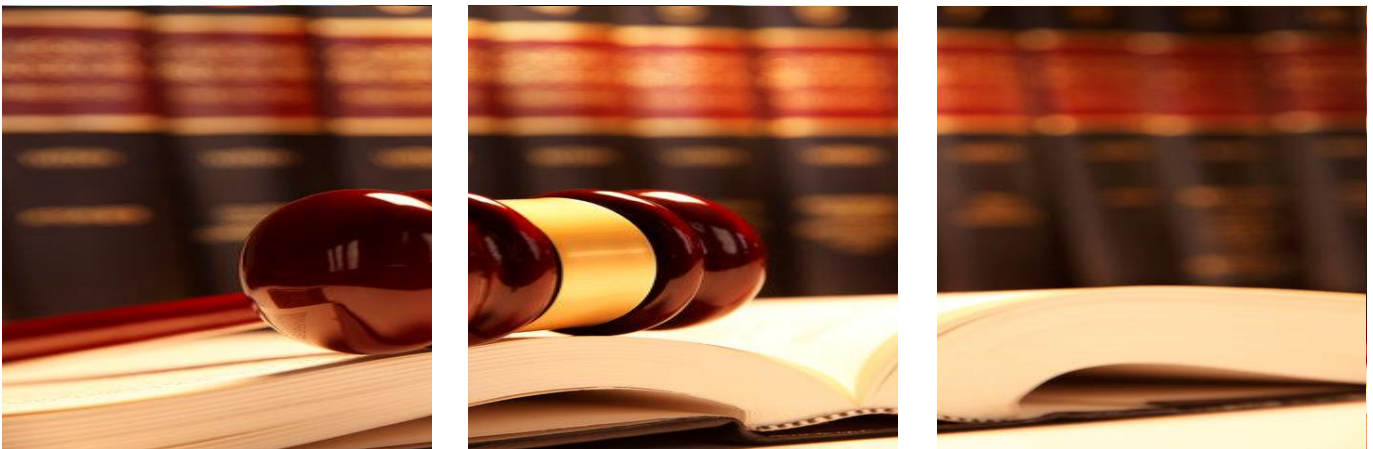
Theo kết quả công bố báo cáo kinh tế - xã hội năm 2017 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm này vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, trong đó quý 1 tăng 5,15%; quý 2 tăng 6,28%; quý 3 tăng 7,46%; quý 4 tăng 7,65%. Việc tăng trưởng này là một thành công rất lớn trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giảm dần dựa vào khai thác tài nguyên, nhất là dầu thô và chuyển hướng sang lấy công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ làm nòng cốt.

Kinh tế 2017 tăng trưởng theo chiều hướng ổn định và tích cực là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao. Từ đó, giúp hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ hàng hóa phát triển. Tuy nhiên, doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam còn đang gặp nhiều khó khăn trong một vài khía cạnh, bao gồm nguồn cung hàng hóa, lao động có chuyên môn, mặt bằng bán lẻ và vốn cho hoạt động bán lẻ. Để hạn chế rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty đã giao nhiệm vụ cho các bộ phận thích hợp theo dõi diễn biến thị trường, báo cáo thường xuyên để kịp thời đưa ra những đối sách thích hợp, đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho Công ty.



Rủi ro pháp luật

Luật Doanh nghiệp năm 2014 hiện là bộ luật chi phối trực tiếp việc tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn là doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên hoạt động công ty còn tuân thủ Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư và các văn bản dưới luật có liên quan khác. Bất kỳ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Hiện nay, Luật và các văn bản dưới luật tại Việt Nam trong quá trình tương đối hoàn thiện, với không ít điều khoản được thay đổi và chỉnh sửa, điển hình như Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng đã được ban hành nên việc áp dụng vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm điều chỉnh các văn bản pháp lý và hoạt động công ty, không để vi phạm pháp luật.



Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, đặc biệt là khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do với EU (EVFTA) – hai Hiệp định có cam kết mạnh trong mở cửa thị trường bán lẻ cũng như xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa, ngành bán lẻ Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức lớn. Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ năng động và hấp dẫn nhất trong khu vực Châu Á và trên thế giới, với sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà bán lẻ lớn trên thế giới tại Việt Nam và sự có mặt và liên tục mở rộng quy mô của các nhà bán lẻ trong nước như Saigon Co.op, Siêu thị Điện máy Chợ lớn, Điện máy Xanh... đang ngày càng tạo sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành hàng bán lẻ tại Việt Nam. Để vượt qua tình trạng này, Công ty đã có những hành động cụ thể để cải thiện năng lực cạnh tranh của mình như mở rộng chi nhánh, cửa hàng bách hóa và xăng dầu đến các khu vực tiềm năng, phát triển dịch vụ giao nhận sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng ở vùng sâu vùng xa, nhằm mang hình ảnh của Công ty đến gần với người tiêu dùng hơn nữa.

Rủi ro khác

Năm 2017 là năm xảy ra nhiều thiên tai đột biến, chỉ riêng các cơn bão đã lên tới con số 17, chưa kể hoàn lưu của bão khi đổ bộ vào đất liền gây ra lũ lụt và thiệt hại về người và tài sản đồng thời ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh ven biển. Do Công ty đa phần sử dụng đường thủy để vận chuyển hàng hóa, xăng dầu đến nơi tiêu thụ để tiết giảm chi phí nên việc thời tiết không thuận lợi cũng phần nào gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty đã nghiêm túc tuân thủ các công tác phòng chống bão của địa phương, thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời ứng phó do vậy đã giảm thiểu được tối đa những thiệt hại không mong muốn.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

**Tình hình cổ đông thay đổi vốn đầu tư
của chủ sở hữu**

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

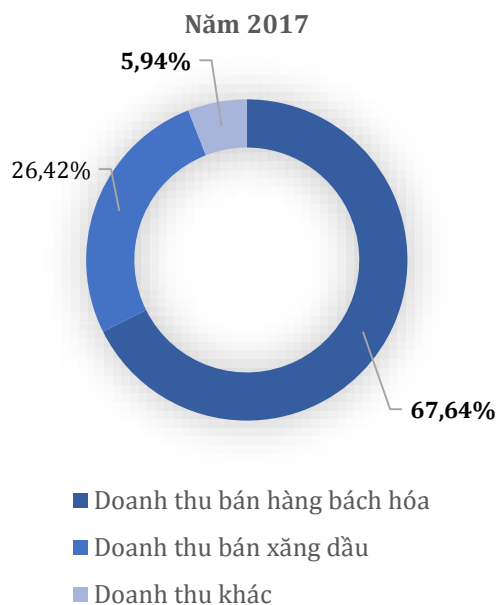
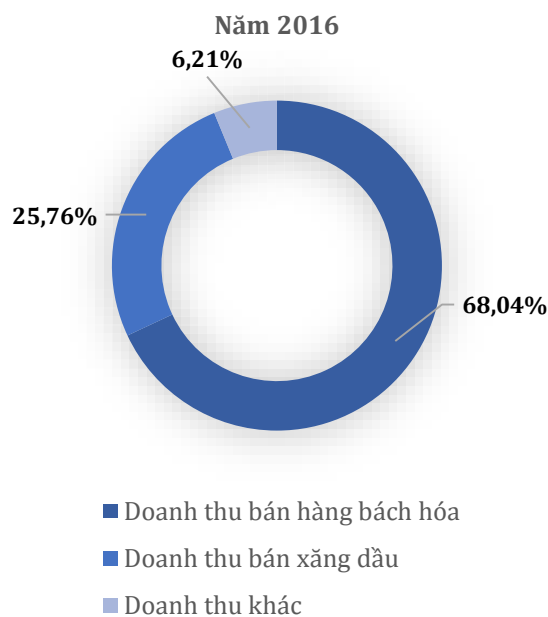
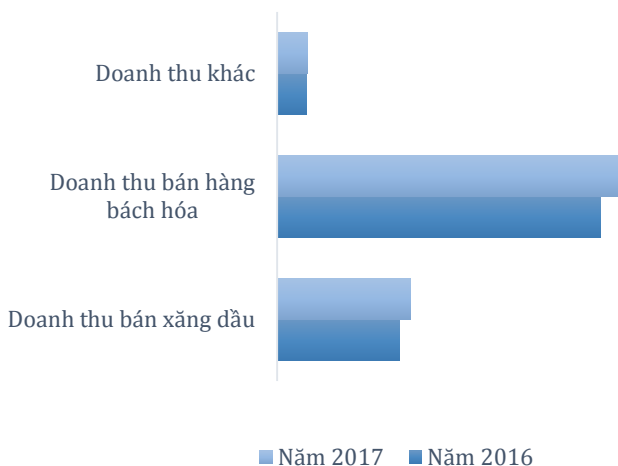
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2016		Năm 2017		%Năm2017/ Năm 2016
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Bán hàng bách hóa	2.740.052	68,04%	2.899.222	67,64%	105,81%
2	Bán xăng dầu	1.037.209	25,76%	1.132.501	26,42%	109,19%
3	Khác	249.951	6,21%	254.441	5,94%	101,80%
Tổng cộng		4.027.211	100,00%	4.286.164	100,00%	106,43%

Tình hình doanh thu thuần



Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu bán hàng bách hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2017, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh đạt 4.286 tỷ đồng, tăng 6,43% so với năm 2016. Năm 2017, nền kinh tế tỉnh Cà Mau duy trì tốc độ tăng trưởng khá và đạt kế hoạch đề ra, ước tính tốc độ tăng trưởng GRDP đạt khoảng 7%, cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng của khu vực nông, lâm, ngư, nghiệp và tăng dần tỷ trọng dịch vụ. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư và từng bước cải thiện, nhiều dự án công trình đã và đang được đầu tư đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển của tỉnh. Với những điều kiện thuận lợi trên, đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm giúp ổn định thu nhập và thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người dân tại địa phương. Hiện nay, Công ty kinh doanh trên 3.000 mặt hàng thuộc đủ nhóm ngành hàng: điện, điện tử, điện gia dụng; công nghệ thực phẩm, bách hóa gia dụng; văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng; vật liệu xây dựng... Bên cạnh đó, xăng dầu cũng là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai và tăng 9,19% so với năm 2016. Với thái độ phục vụ tận tình, chu đáo, phương thức bán hàng đa dạng cho mọi đối tượng khách hàng gồm: bán hàng tự chọn, thanh toán ngay bằng tiền mặt, thanh toán trả chậm... sản phẩm của Công ty đã được nhiều khách hàng biết đến. Đặc biệt với phương thức bán hàng trả góp với lãi suất rất thấp, Công ty đã tạo điều kiện cho đối tượng người có thu nhập thấp, người lao động bình dân ở thành thị và nông thôn được sở hữu nhiều mặt hàng sinh hoạt tiện nghi trong gia đình. Qua đó, Công ty phấn đấu nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp hàng hóa đầy đủ cho người tiêu dùng, tiếp tục mở rộng địa bàn nông thôn và ưu tiên đưa hàng hóa về nông thôn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân trong tỉnh.

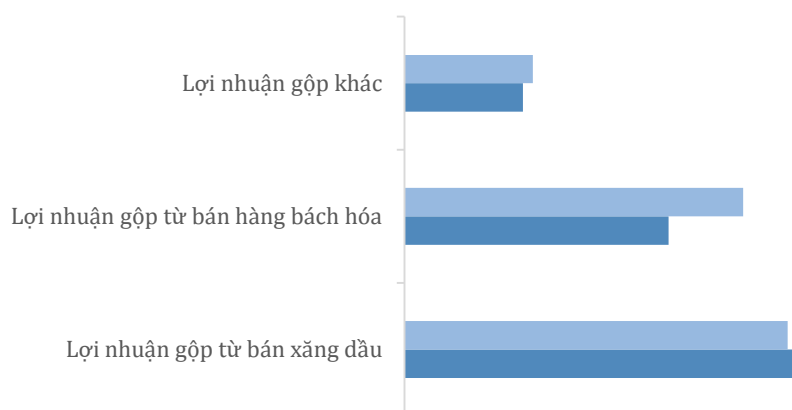
Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: Triệu đồng

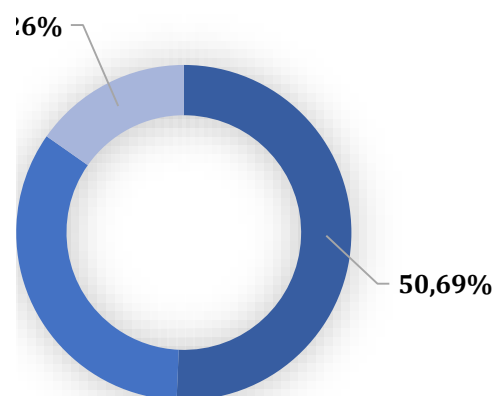
STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2016		Năm 2017		%Năm2017/ Năm 2016
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Bán hàng bách hóa	40.659	34,05%	52.114	39,83%	128,17%
2	Bán xăng dầu	60.521	50,69%	58.953	45,06%	97,41%
3	Khác	18.222	15,26%	19.770	15,11%	108,50%
Tổng cộng		119.402	100,00%	130.837	100,00%	109,58%

Cơ cấu lợi nhuận gộp

■ Năm 2017 ■ Năm 2016



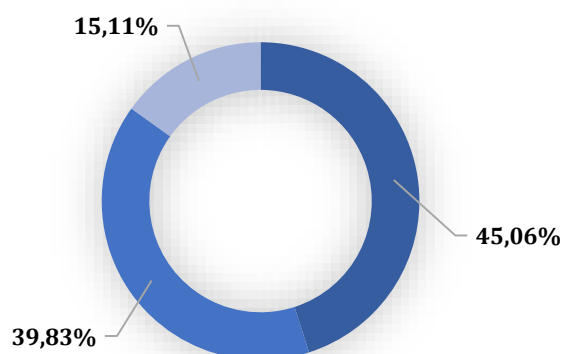
Năm 2016



Lợi nhuận gộp từ bán xăng dầu

■ Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa
■ Lợi nhuận gộp khác

Năm 2017



■ Lợi nhuận gộp từ bán xăng dầu

■ Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa
■ Lợi nhuận gộp khác

Trong năm, doanh thu thuần tăng đồng thời giá vốn hàng bán cũng tăng 6,35% so với năm 2016. Vì vậy, kết quả kinh doanh cả năm đã có sự tăng trưởng tương đối thấp so với kết quả cùng kỳ. Cụ thể, lợi nhuận gộp tăng từ 119 tỷ đồng lên hơn 130 tỷ đồng trong năm 2017, tỷ lệ tăng trưởng tương đương 9,58%. Công ty sẽ phải nỗ lực hơn nữa trong việc quản lý giá vốn hàng bán một cách hợp lý để đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả trong năm tới.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Tính tại thời điểm 31/12/2017

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
2	Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc

Giới tính	Nữ
Sinh ngày	01/12/1956
Nơi sinh	Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
Địa chỉ thường trú	Số 184 Ngô Quyền, K1, P9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	

Thời gian	Vị trí
6/1975 - 8/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.
8/1978 -11/1982	Chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.
11/1982	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
28/11/2007 - Nay	Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Chủ tịch HĐQT CTCP In Bạc LiêuỦy viên HĐQT CTCP Cà Phê PETEC
Số cổ phần nắm giữ	431.613 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	602.027 cổ phần
Trong đó:	<ul style="list-style-type: none">Chồng: Nguyễn Văn Hậu: 374.465 CPEm ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 103.824 CPEm ruột: Nguyễn Việt Phụng: 7.916 CP
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Ông Thái Trường An - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Sinh ngày	12/10/1970
Nơi sinh	Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
Địa chỉ thường trú	Số 89 Đổ Thừa Tự, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	

Thời gian	Vị trí
09/1992 - 10/1994	Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào
11/1994 - 03/1997	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/1997 - 01/2007	Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 - 11/2007	Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
28/11/2007 - Nay	Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Số cổ phần nắm giữ	141.579 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	4.717 cổ phần
Trong đó:	<ul style="list-style-type: none">Vợ: Đặng Cẩm Lệ : 4.692 cổ phầnEm ruột: Thái Thị Thùy Trang: 2 cổ phầnEm ruột: Thái Bảo Ninh: 23 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ
Sinh ngày	19/05/1971
Nơi sinh	Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
Địa chỉ thường trú	Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Thương mại
Quá trình công tác	

Thời gian	Vị trí
6/1994 - 3/1998	Nhân viên Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
4/1998 - 11/2002	Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2002 - 11/2004	Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2004 - 6/2008	Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
7/2008 - 12/2009	Trưởng Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.
01/2010 - Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

Số cổ phần nắm giữ	103.824 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	627.837 cổ phần
Trong đó:	<ul style="list-style-type: none">Chi ruột: Nguyễn Thị Việt Ánh: 431.613 CPChi ruột: Nguyễn Việt Phượng: 7.916 CP
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Ông Phù Chí Anh – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Sinh ngày	23/08/1974
Nơi sinh	TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Quê quán	Tỉnh Ninh Thuận
Địa chỉ thường trú	Số 165/16 Rạch Chùa, Phường 4, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	

Thời gian	Vị trí
02/1998 - 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 - 01/2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
02/2007 - 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2007 - 12/2012	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
02/01/2013 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau, kiêm kế toán trưởng từ ngày 07/09/2016.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT CTCP In Bạc Liêu.
Số cổ phần nắm giữ	92.269 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	6.502 cổ phần
Trong đó:	<ul style="list-style-type: none">Vợ: Quách Duy Tâm: 6.502 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

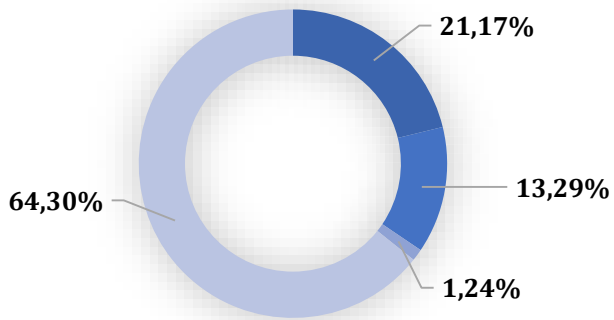
STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên BKS	-	15/10/2017

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	647	100%
1	Trên đại học	-	-
2	Đại học, cao đẳng	137	21,17%
4	Trung cấp	86	13,29%
5	Công nhân kỹ thuật	8	1,24%
6	Lao động phổ thông	416	64,30%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	647	100%
1	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	105	16,23%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	487	75,27%
3	Hợp đồng theo thời vụ	55	8,50%
C	Theo giới tính	647	100%
1	Nam	522	80,68%
2	Nữ	125	19,32%

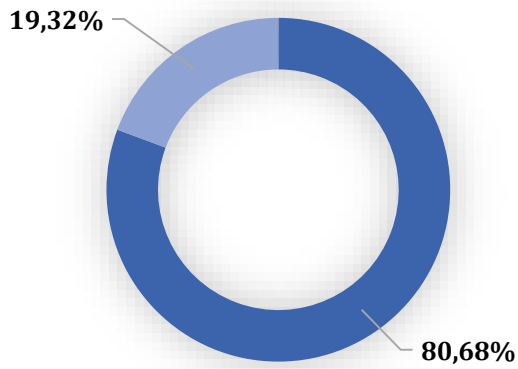


Theo trình độ lao động



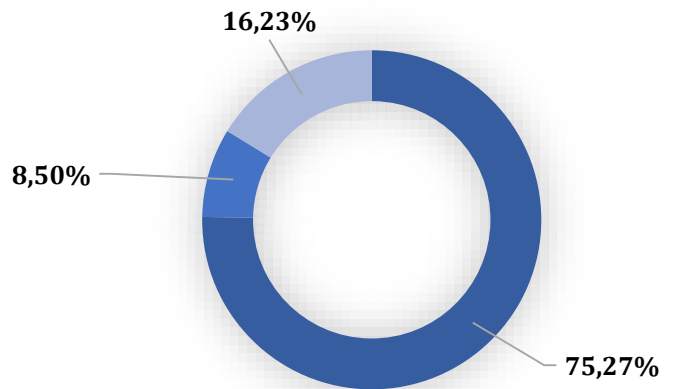
- Theo trình độ lao động
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Theo giới tính



- Nam
- Nữ

Theo tính chất hợp đồng

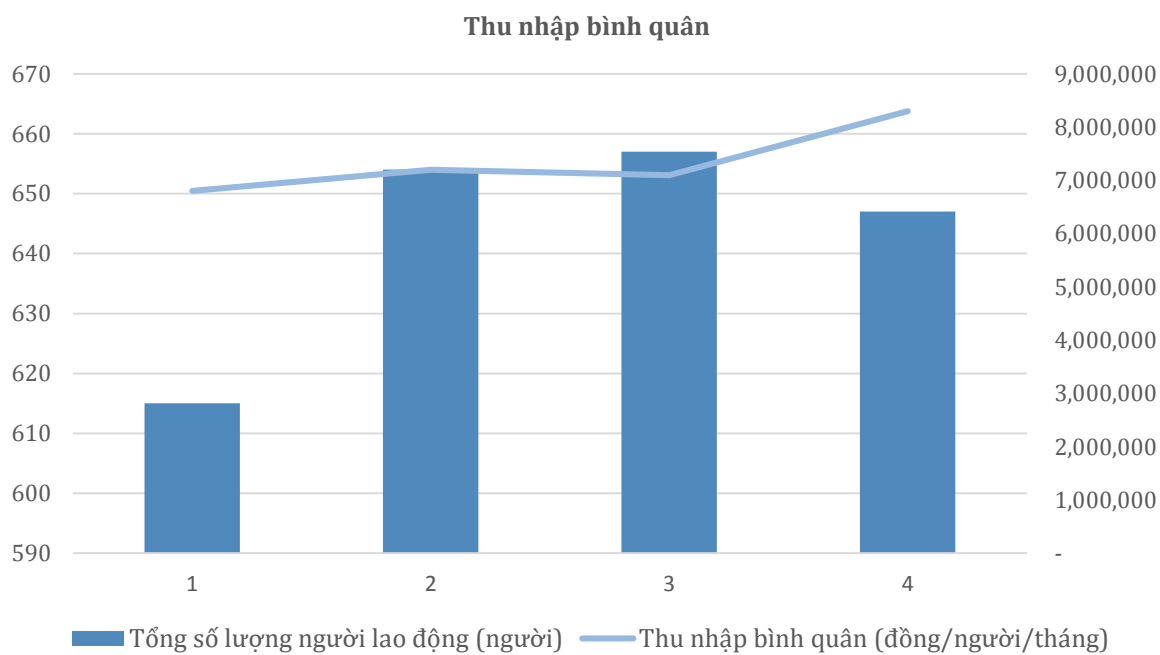


- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng người lao động (người)	615	654	657	647
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.800.000	7.200.000	7.100.000	8.300.000



Chính sách nhân sự

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty tạo điều kiện cho nhiều cán bộ công nhân viên tập huấn nghiệp vụ. Chi trả tiền lương, tiền thưởng, ngày Lễ, Tết cho CB - CNV, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định. Đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.

Công tác đào tạo

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân (nếu có) để phục vụ đa phần cho mảng kinh doanh bán hàng của Công ty. Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty

Điều kiện và chế độ làm việc

Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định



Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

- Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng và minh bạch. Công ty đã áp dụng một cách hiệu quả chính sách lương thưởng tương xứng với công sức từng cán bộ công nhân viên đã bỏ ra, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận cho Công ty.
- Các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đều được Công ty áp dụng thực hiện tốt cho người lao động như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, thăm nom khi gia đình có hữu sự...
- Bên cạnh công tác chăm lo đời sống vật chất cho người lao động, một trong những hoạt động thường niên mà lãnh đạo công ty luôn quan tâm đó là tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước.
- Từ đầu năm đến nay, Công ty đã tạo điều kiện cho trên 25 lượt người lao động đi du lịch nước ngoài. Đặc biệt, từ ngày 10/6/2017 đến ngày 30/6/2017, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc kết hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn cơ sở công ty tổ chức 3 chuyến du lịch tham quan, nghỉ mát ở Đà Lạt – Nha Trang cho trên 360 người lao động của công ty và 90 nhân viên của Công ty cổ phần In Bạc Liêu. Đây là những nhân viên tiêu biểu, tích cực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2016.
 - ◆ Năm nay, lãnh đạo công ty có nhiều thay đổi trong thiết kế nội dung tham quan, du lịch. Bên cạnh việc cho người lao động có thời gian thư giãn, nghỉ dưỡng, khám phá những danh lam, thắng cảnh nổi tiếng của đất nước; còn tổ chức cho người lao động tham gia sinh hoạt tập thể. Chương trình dành trọn một ngày để tổ chức các trò chơi tập thể nhằm thể hiện tinh thần đoàn kết, sức mạnh tập thể, khơi nguồn sáng tạo cho nhân viên.
 - ◆ Việc tổ chức chương trình tham quan, du lịch hằng năm cho người lao động cũng là cơ hội để người lao động được giao lưu, cùng nhau chia sẻ những trải nghiệm trong cuộc sống. Trong chuyến đi và qua sinh hoạt tập thể tạo nên sự thân thiết, gắn kết giữa đồng nghiệp với nhau. Đây là nền tảng quan trọng tạo nên nét văn hóa riêng của Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong 5 năm (2013-2017) Công ty đã đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp mạng lưới kinh doanh với tổng trị giá 31.109.066.522 đồng

Riêng năm 2017 kế hoạch đầu tư mở rộng, mua sắm phương tiện 22 tỷ 272 triệu đồng nhưng chỉ thực hiện 9.396.109.155 đồng, cụ thể :

1. Nhà kho khu công nghiệp Trà Kha	5.566.850.577 đồng
• Nhà kho	5.091.748.181 đồng
• Hàng rào	369.647.850 đồng
• Trạm biến áp 25KVA	105.454.546 đồng
2. Sửa chữa nền kho Trung tâm Phân phối Hàng tiêu dùng Cà Mau-Bạc Liêu:	275.832.737 đồng
3. Dời bồn xăng dầu, xây dựng nhà bao che Cửa hàng Xăng dầu Tân Tiến:	311.162.817 đồng
4. Cửa hàng Xăng dầu Lương Thế Trân	244.773.024 đồng
• Cải tạo mặt sân	137.454.545 đồng
• Mái che, sửa chữa cổng rào, nhà vệ sinh	107.318.479 đồng
5. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đô thị Thứ Bảy, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	1.077.490.000 đồng
6. Mua 3 xe Hyundai HD650 tải trọng 6,4 tấn x 640.000.000 đồng	1.920.000.000 đồng

Còn 02 công trình tại kho Ngã Năm và Năm Căn chuyển sang năm 2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% 2017/2016
1	Tổng giá trị tài sản	691.932	669.815	96,80%
2	Doanh thu thuần	4.026.234	4.285.919	106,45%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(26.139)	(11.538)	44,14%
4	Lợi nhuận khác	61.305	42.121	68,71%
5	Lợi nhuận trước thuế	35.167	30.583	86,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	27.004	24.234	89,74%

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì ổn định so với năm 2016. Doanh thu thuần năm 2017 tăng 6,45% đạt 4.286 tỷ đồng. Do giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần nên biên lợi nhuận gộp không cao. Trong năm, chi phí bán hàng tăng 6,15% phần nào ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 24 tỷ đồng, đạt 89,74% so với cùng kỳ năm 2016. Với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ lớn trong ngành điện gia dụng như Điện Máy Nguyễn Kim, Điện Máy Xanh, Điện máy Chợ Lớn và các đối thủ trong ngành bán lẻ như Coop Mart, Metro chi nhánh Cà Mau đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty nỗ lực nâng cao chất lượng thương hiệu của mình để phát huy năng lực cạnh tranh, đi sâu vào sở thích, nhu cầu tiêu dùng của từng vùng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân. Tuy mức lợi nhuận sụt giảm nhưng Công ty vẫn duy trì mức cổ tức là 15% đã cam kết theo đúng với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đề ra.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

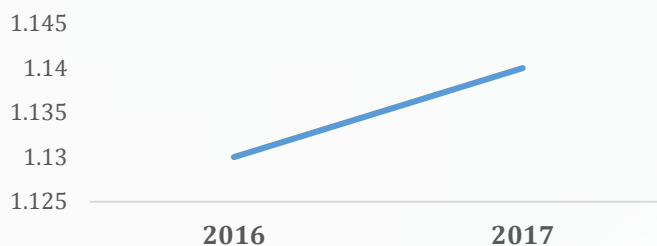
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	0,45
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,07	74,03
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	301,06	284,99
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,77	11,52
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	6,13	6,29
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	14,90	11,49
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	31,77	30,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,67	0,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,82	13,99
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,11	3,56
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	(0,65)	(0,27)



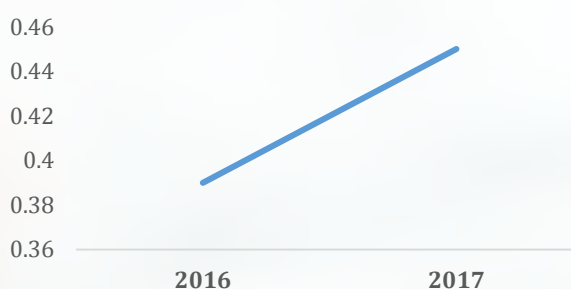
Có thể thấy, hệ số thanh toán của Công ty đều lớn hơn 1 qua các năm chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty luôn bảo đảm đối với các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh thấp so với hệ số thanh toán ngắn hạn, khoảng chênh lệch lớn này là do lượng hàng tồn kho lớn. Nhưng hàng tồn kho chủ yếu là xăng dầu và các mặt hàng tiêu dùng, nhu yếu phẩm được tồn kho với mục đích dự trữ, có thể bán ra nhanh chóng.

Cơ cấu vốn vẫn duy trì ổn định theo chính sách của Công ty qua các năm theo đặc thù ngành mà Công ty đang theo đuổi. Một điểm đáng lưu ý, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng hơn 50% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/Hàng tồn kho là 65,48%. Từ đó có thể thấy rằng một phần đáng kể hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của các nhà cung cấp.

Hệ số thanh toán ngắn hạn



Hệ số thanh toán nhanh

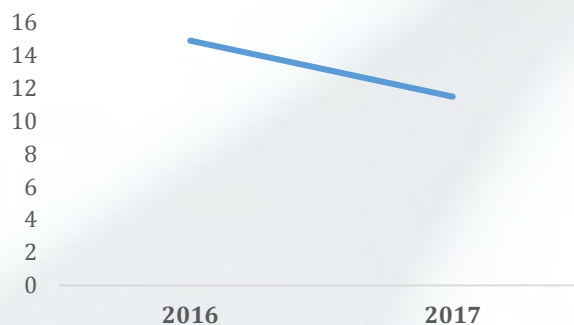


Vòng quay hàng tồn kho

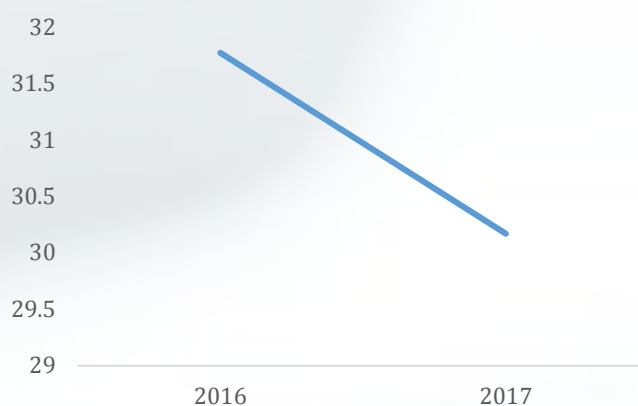


Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2017 tăng so với năm 2016, cho thấy Công ty duy trì một lượng vừa đủ hàng tồn kho nhằm mục đích đủ lượng hàng hóa để bán, vừa không để tồn kho quá lâu, dẫn đến chất lượng sản phẩm bị ảnh hưởng. Với số ngày lưu kho bình quân khoảng 32 ngày, Công ty đánh giá việc duy trì lượng hàng đảm bảo cho hoạt động kinh doanh vẫn trong sự kiểm soát và đúng với chính sách. Vòng quay khoản phải trả khá thấp cho thấy sự tín nhiệm cao của nhà cung cấp với Công ty trong các giao dịch. Trong khi đó, vòng quay khoản phải thu của Công ty luôn khá cao so với vòng quay khoản phải trả, điều này cho thấy chính sách thu hồi công nợ của Công ty được đảm bảo, kỳ thu tiền khách hàng chỉ khoảng 12 ngày, trong khi số ngày phải trả khoảng 31 ngày. Dòng tiền vào của Công ty được duy trì liên tục và đảm bảo thanh khoản cho các khoản phải trả.

Vòng quay khoản phải trả

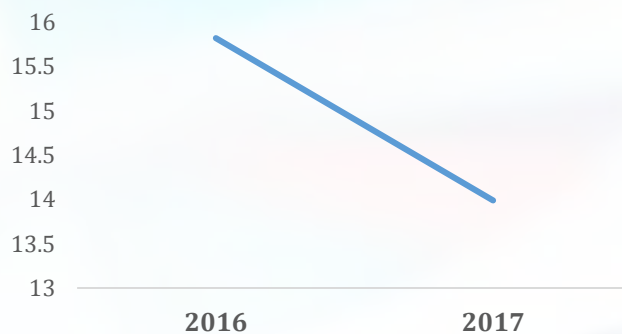


Vòng quay khoản phải thu

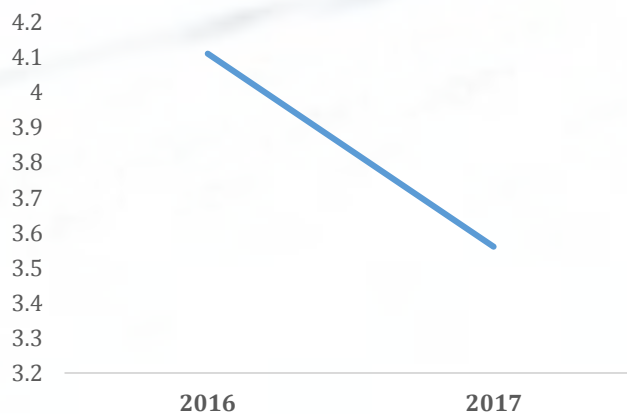


Chỉ tiêu khả năng sinh lời vẫn thể hiện khá khi các chỉ tiêu ROE và ROA năm 2017 là 13,99% và 3,56%. Các chỉ số này thể hiện mức hấp dẫn của cổ phiếu Công ty so với kênh đầu tư như tiền gửi ngân hàng. Lãnh đạo Công ty vẫn luôn thực hiện việc duy trì tỉ lệ cổ tức hàng năm với cổ đông.

ROE



ROA



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.103.912 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2017

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	555	12.079.470	100,00%
1	Nhà nước	1	2.936.024	24,26%
2	Tổ chức	16	3.173.200	26,22%
3	Cá nhân	538	5.970.246	49,32%
II	Cổ đông nước ngoài	6	24.442	0,20%
1	Tổ chức	5	6.252	0,05%
2	Cá nhân	1	18.190	0,15%
	Tổng cộng	561	12.103.912	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn, có uy tín như Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, TOSHIBA, CTCP Acecook Việt Nam... nên Công ty luôn đảm bảo được yếu tố đầu vào chất lượng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Công ty luôn tạo mối quan hệ tốt với nhiều nhà cung cấp lớn, qua đó luôn có nhiều sự lựa chọn để mua được những nguồn nguyên vật liệu có chất lượng với giá hợp lý. Nguyên vật liệu được kiểm soát chất lượng từ đầu vào, sử dụng phần mềm để thường xuyên kiểm tra quá trình lưu kho bảo quản đúng cách, cập nhật số lượng nguyên vật liệu trong kho nhanh chóng và sát với thực tế nhằm quản lý dễ dàng, kiểm tra được số lượng hàng tồn kho, xác định được hàng nhập khi nào và sử dụng đến ngày bao nhiêu để có kế hoạch cho đợt mua hàng tiếp theo hoặc tiêu hủy hàng hư hỏng, hết hạn sử dụng để không ảnh hưởng đến sức khỏe và lợi ích của khách hàng.



Tiêu thụ năng lượng:

Theo tính toán quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia. Trong giai đoạn 2010 – 2020 nước ta sẽ mất cân đối giữa khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nguồn điện năng. Từ một nước xuất khẩu thành nước nhập khẩu năng lượng. Ý thức được sự quan trọng của năng lượng điện ảnh hưởng ở tầm vi mô của từng doanh nghiệp. Công ty luôn có những biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng này bằng nhiều biện pháp sau:

- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; bật điều hòa ở nhiệt độ cao hơn 25°C.
- Sử dụng đèn compact rộng rãi cho các phòng ban trong Công ty.
- Hưởng ứng giờ Trái Đất.
- Thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc làm này đã giúp tiết kiệm được 70% lượng điện năng tiêu thụ.

Tiêu thụ nước

Lượng nước tiêu thụ trong năm 2017 được sử dụng ở mức khá hợp lý cho sinh hoạt của từng phòng ban, phục vụ đúng nhu cầu sản xuất của Công ty. Ngoài ra, Ban lãnh đạo còn có những chính sách:

- Khuyến khích nhân viên luôn có tinh thần tiết kiệm nước vì lợi ích chung của tập thể.
- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi hoa sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động...

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo thực hiện tốt việc phân loại rác theo nguồn (rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại). Liên hệ với Công ty Môi trường đô thị về việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra định kỳ công tác vệ sinh môi trường tại các đơn vị trực thuộc để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường. An toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền lương, thưởng cho phù hợp với điều kiện đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc, chức vụ đó gắn với năng suất chất lượng hiệu quả công việc.
- Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thay sản, ốm đau, khám sức khoẻ định kỳ kịp thời; ... Nghiêm túc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
- Tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Hội thao mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3; họp mặt chị em phụ nữ nhân ngày 08/3, 20/10; khen thưởng, tặng quà cho con người lao động đạt thành tích học khá, giỏi, tổ chức họp mặt tặng quà các em thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu...

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công tác an sinh xã hội là một trong những công tác được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể thực hiện thường xuyên và liên tục nhằm trợ giúp cho các đối tượng chính sách xã hội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các em học sinh nghèo hiếu học,



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	Tỷ lệ % TH/KH
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	121	121	100,00%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.050	4.286	105,83%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,00	30,58	113,27%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,60	24,23	112,17%
5	+ Lợi nhuận sau thuế cổ đông thiểu số + Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tỷ đồng	-	1,85 22,37	-
6	Cổ tức	%	15	15	100,00%

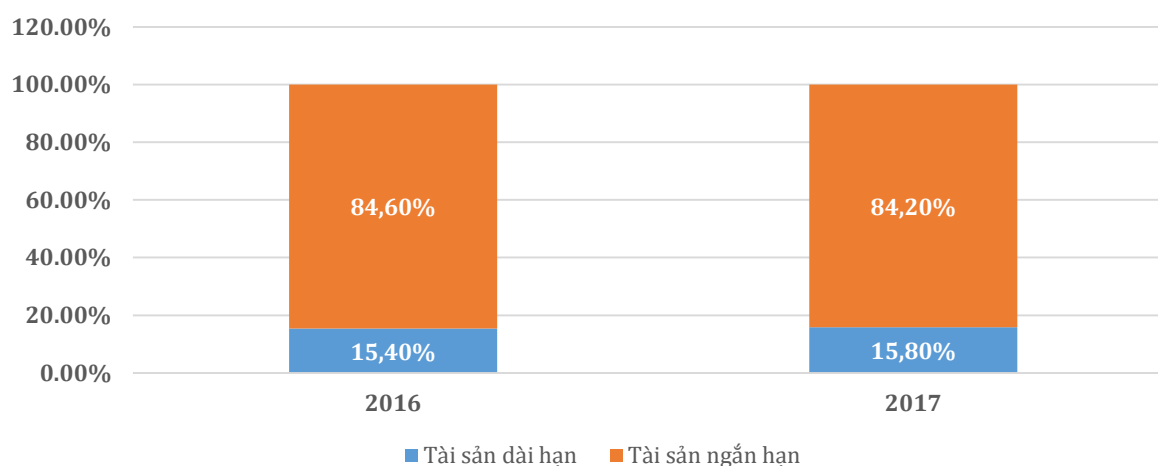
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	585.340	563.981	96,35%	84,60%	84,20%
Tài sản dài hạn	106.591	105.834	99,29%	15,40%	15,80%
Tổng tài sản	691.932	669.815	96,80%	100,00%	100,00%

Cơ cấu tài sản



Nhìn chung, cơ cấu tài sản không thay đổi nhiều so với năm 2016. Tổng tài sản năm 2017 đạt gần 670 tỷ đồng giảm 3,20% so với năm 2016. Về tỷ trọng, tài sản ngắn hạn luôn chiếm hơn 80% cơ cấu tài sản của Công ty.

Hàng tồn kho chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn. Năm 2017, hàng tồn kho đạt giá trị hơn 340 tỷ đồng, giảm 10,61% so với năm trước. Công ty không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay. Các khoản phải thu ngắn hạn trong đó khoản phải thu khách hàng đạt hơn 123 tỷ đồng, tăng 9,85% là các khoản phát sinh trong giao dịch mà Công ty đã ký hợp đồng và áp dụng chính sách trả sau đối với các đối tác tin cậy của Công ty.

Tài sản dài hạn giảm nhẹ 0,71% so với năm 2016 và đạt giá trị 105,83 tỷ đồng. Tài sản dài hạn chủ yếu là các tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty. Cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	78.946.333.322	42.673.343.762	54,05%
Máy móc thiết bị	32.638.680.105	6.543.614.551	20,05%
Phương tiện vận tải, TB truyền dẫn	29.203.622.734	10.229.796.084	35,03%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	967.152.842	308.190.107	31,87%
TSCĐ hữu hình khác	584.077.098	40.733.000	6,97%
Cộng	142.339.866.101	59.795.677.504	42,01%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.760.106.592	98,51%
Phần mềm máy vi tính	849.221.480	-	-
Cộng	37.148.966.663	35.760.106.592	96,26%



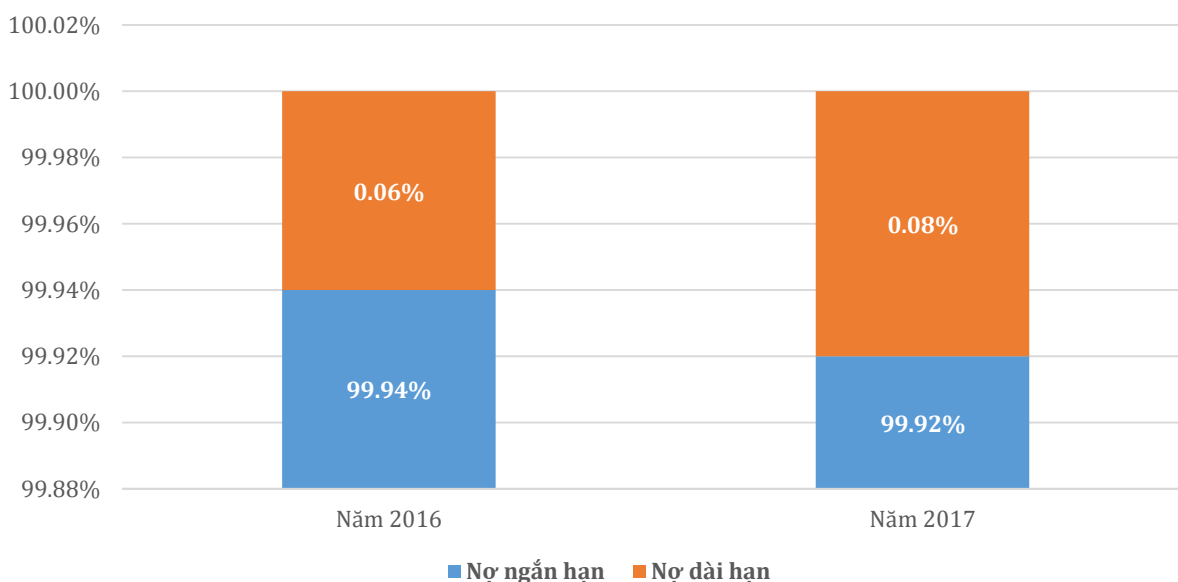
Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	519.090	495.427	95,44%	99,94%	99,92%
Nợ dài hạn	315	405	128,57%	0,06%	0,08%
Tổng nợ phải trả	519.405	495.832	95,46%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả giảm 4,54% so với nợ phải trả của năm 2016. Nợ ngắn hạn chiếm hơn 99% tổng nợ của Công ty. Vì vậy những biến động của nợ ngắn hạn quyết định sự thay đổi cơ cấu nợ. Do hoạt động của Công ty cần nguồn vốn lớn để chi trả cho các mặt hàng có giá vốn đầu vào cao nên cần nguồn vốn lưu động lớn nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, chi trả cho các hoạt động thường xuyên. Do đó, Công ty dùng các khoản vay ngân hàng để tài trợ cho các hoạt động này. Các khoản vay với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng với hình thức vay tín chấp...

Cơ cấu nợ phải trả





Công tác tổ chức

Từ ngày thành lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau 01/12/2007 đi vào hoạt động hơn một năm, nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có sự biến động và tiếp tục cho đến hôm nay với mặt trái cơ chế thị trường việc dịch chuyển nhân sự ở các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ sang môi trường kinh doanh khác ít áp lực, thời gian làm việc không làm ngày thứ 7 và chủ nhật nhưng (sau một thời gian làm để tích lũy kinh nghiệm) lương cao hơn dẫn đến mất cân đối nhân sự trầm trọng (đào tạo và thu hút mới không kịp bổ sung nhất là đội ngũ có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, kinh nghiệm thị trường tốt), thậm chí trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp ngành hàng đã tác động đến hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng đến quan hệ uy tín với các đối tác và khách hàng. Nhưng với kiên định của tập thể, sự kiên trì ở một số lãnh đạo Công ty điều hành trên cơ sở điều lệ quy định và quy chế Công ty luôn tuân thủ pháp luật nhà nước với các phương thức kinh doanh linh hoạt, luôn thích ứng với thị trường nên hoạt động kinh doanh trong các năm qua và năm 2017 vẫn tiếp tục ổn định và có hiệu quả.

Vẫn xác định công tác tài chính luôn sạch trên tinh thần tiết kiệm, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ nhà nước, chuẩn mực kế toán Việt Nam, hạch toán số liệu trung thực, đầy đủ, rõ ràng chính xác đúng thời gian.

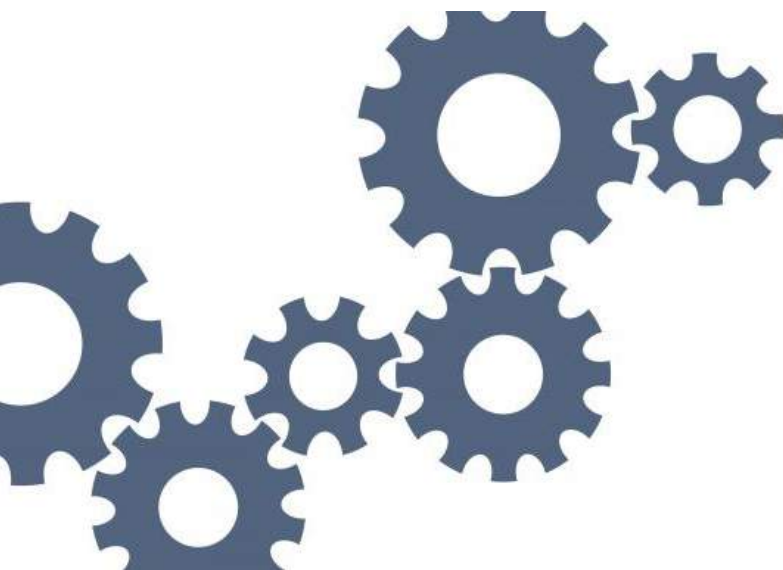
Công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty với nhiều ngành hàng: Xăng dầu, gas, nhớt, bách hóa, điện máy và các hàng hóa khác. Hệ thống ngành hàng phân tán trong và ngoài tỉnh Cà Mau: Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, TP. Hồ Chí Minh, phương thức bán hàng linh hoạt phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng đường thủy lẫn đường bộ: Bán hàng tự chọn, bán hàng trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ, bán lẻ... và đây là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Tình hình kinh doanh càng ngày càng khó, cạnh tranh khốc liệt, xăng dầu, bách hóa, điện máy,... hiệu quả kinh doanh không cao, chi phí quản lý ngày càng tăng, khó khăn chồng chất khó khăn lợi nhuận giảm. Để có sự ổn định và cân bằng trong chiến lược và quản trị tốt trong kinh doanh, Công ty đã xác định và tiếp tục kinh doanh đa ngành, đa nghề, đa phương thức và tăng dần tỷ trọng hàng bách hóa tạo thế chân kiềng trong hoạt động kinh doanh.

- Năm **2008** tỷ trọng xăng dầu chiếm **60%** doanh thu
- Năm **2012** tỷ trọng xăng dầu chiếm **43%** doanh thu
- Năm **2013** tỷ trọng xăng dầu chiếm **43%** doanh thu
- Năm **2014** tỷ trọng xăng dầu chiếm **41%** doanh thu
- Năm **2015** tỷ trọng xăng dầu chiếm **31%** doanh thu
- Năm **2016** tỷ trọng xăng dầu chiếm **25%** doanh thu
- Năm **2017** tỷ trọng xăng dầu chiếm **26%** doanh thu
- Nhưng sản lượng Xăng dầu 2017 chỉ giảm 11% so với năm 2012.

Trên cơ sở điều lệ quy định, quy chế của Công ty và quy định của luật pháp nhà nước. Ban Tổng Giám đốc tiếp tục điều hành, chỉ đạo cho lãnh đạo từng khu vực, từng lĩnh vực phát huy tính chủ động và trách nhiệm cá nhân tăng cường quản lý chặt chẽ, đảm bảo việc kinh doanh thông suốt. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp quản lý chế độ báo cáo thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng cho công tác quản lý kinh doanh. Vì vậy công tác điều hành các hoạt động kinh doanh luôn nhanh chóng và kịp thời.



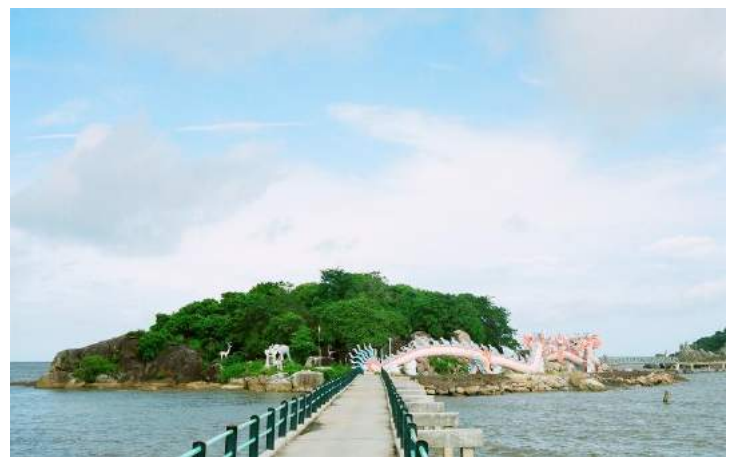
Công tác quản lý tài chính

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế làm việc, quy chế trả lương, trả thưởng, quy định chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của từng người, từng vị trí theo từng loại hình trong các lĩnh vực khác nhau cho phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn kinh doanh. Từ năm 2013 – 2017, hoạt động kinh doanh ngày càng khó, cạnh tranh khốc liệt với môi trường phức tạp đa đối tượng, không lành mạnh nên phương châm của Hội đồng quản trị xác định từng bước đi thận trọng nhằm mục tiêu “Chậm nhưng vững chắc”. Tái cấu trúc toàn diện: chiến lược kinh doanh, nhân sự, phương tiện, công cụ... Điều chỉnh giảm chi phí trên cơ sở định mức chi phí hợp lý, sắp xếp phân bổ tuyến theo từng khu vực của từng cửa hàng để đoạn đường giao hàng ngắn nhất, các phương tiện đảm bảo đủ tải, giao hàng tay ba không qua kho. Quy định và điều chỉnh phù hợp chi phí công tác, nhiên liệu của phương tiện, công cụ phục vụ kinh doanh trên tinh thần tiết kiệm và hiệu quả nhất đồng thời luôn cập nhật và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực, đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời.



Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm nâng cao ý thức “Văn minh, văn hóa thương nghiệp” tạo nên một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện tôn trọng và đoàn kết.
- Hàng hóa được sắp xếp trưng bày ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ, niêm yết đúng giá, đúng chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, PCCC theo quy định của Nhà sản xuất và Nhà nước.
- Công ty nghiêm túc không tạo điều kiện cho hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại vào trong Công ty vì thế trong suốt nhiều năm qua Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã tiếp tục tạo được lòng tin và tín nhiệm, đánh giá cao từ các đối tác, các khách hàng người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	121
2	Tổng doanh thu	4.300
3	Lợi nhuận trước thuế	32
4	Lợi nhuận sau thuế	25,6
5	Cổ tức	15%

Kế hoạch đầu tư năm 2018-2022

Năm 2018	9,39 tỷ đồng
Tổng kho bách hóa Năm Căn	5,54 tỷ đồng
• Diện tích	12.250 m ²
• Thực hiện giai đoạn 1	2.200 m ² kho, 2.000 m đường bộ
♦ San lấp mặt bằng	600 triệu đồng
♦ Dự toán tổng kho	3,96 tỷ đồng
♦ Dự toán đường nội bộ	980 triệu đồng
Đầu tư mở rộng kho Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng với tổng trị giá	3,85 tỷ đồng
• Diện tích	2.500 m ²
• Dự toán tổng kho	2.000 m ² , 3,60 tỷ đồng
• Sân đường nội bộ	500 m ² , 250 triệu đồng
Các năm sau:	Tập trung đầu tư thuê đất ở các khu công nghiệp để dự toán đầu tư thấp nhất ở các nơi đang còn thuê nhà dân như: Tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Kiên Giang.

2018



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trách nhiệm về môi trường

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn cam kết thực hiện:

- Tuân thủ pháp luật và đảm bảo các tiêu chí vệ sinh tác động đến môi trường của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường
- Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

Trách nhiệm xã hội của Công ty

Hoạt động đoàn thể

Ban Tổng giám đốc luôn phối hợp và tạo điều kiện cho Đảng ủy, BCH Công đoàn, BCH Đoàn Thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong 5 năm qua, Đảng bộ Công ty luôn được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”, Công đoàn cơ sở và Đoàn Thanh niên đạt “vững mạnh”.

Một số hoạt động điển hình trong 5 năm qua:

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, kết hợp cùng Công đoàn cơ sở Công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động hàng năm.
- Chính sách trả lương thưởng luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của Công ty.
- Tiếp tục duy trì và điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho người lao động cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty như: Tặng quà sinh nhật trị giá 1.000.000 đ/đoàn viên, hiếu hỷ 1.000.000 đ/đoàn viên, chưa đoàn viên công đoàn 500.000 đ/trường hợp; thăm hỏi, chia sẻ khi NLĐ ốm đau, bệnh tật; tổng số tiền là 767.000.000 đồng. Trích quỹ tương trợ giải quyết cho 68 lượt đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn vay trên 500 triệu đồng với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà góp phần hỗ trợ người lao động vượt qua khó khăn an tâm công tác.
- Hàng năm nhân dịp các ngày Lễ lớn công đoàn cùng với đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Giải bóng đá mini chào mừng ngày thành lập Công đoàn, hội thao 26/3, thi hái hoa hoặc tổ chức nấu ăn nhân ngày 08/3 cho các lao động nữ trong Công ty... tạo được sinh khí vui tươi, phấn khởi trong NLĐ. Tổng chi phí là 1.204.269.000 đồng.
- Trong 5 năm qua, công ty đã tổ chức trên 20 chuyến du lịch cho trên 1.200 lượt người lao động tham quan du lịch trong và ngoài nước
- Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thay sản, ốm đau, khám sức khỏe định kỳ kịp thời; ... Nghiêm túc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động từ năm 2013 – 2017 Công ty đã đóng tổng số tiền là 46.172.128.854 đồng, cụ thể:
 - BHXH: 36.878.453.736 đồng
 - BHYT: 6.526.372.351 đồng
 - BHTN: 2.767.302.767 đồng

Quan hệ cộng đồng

Tích cực tham gia và phối hợp với BCH Công đoàn cơ sở vận động tham gia ủng hộ công tác từ thiện xã hội. Từ năm 2013-2017 bằng nhiều nguồn vận động và đóng góp Công ty đã ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội trên 1.874.097.000 đồng



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

Các kế hoạch định hướng



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tình hình hoạt động của Công ty

Từ ngày thành lập đến nay hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty luôn đứng trước muôn vàn khó khăn thách thức, thuận lợi và bất trắc đan xen, phân hóa nội bộ sâu sắc với cơ chế kinh tế thị trường đã tạo áp lực nặng nề trong công tác quản trị, điều hành cả kinh doanh và tổ chức.

- Khủng hoảng kinh tế và tài chính thế giới cùng sự bất ổn chính trị ở nhiều nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta trong thị trường bất động sản, chứng khoán, xăng dầu, vàng,...
- Chính sách xăng dầu không ổn định, sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, chương trình lộ hóa nông thôn, các cây xăng ở vùng sông nước sản lượng giảm, hiệu quả kinh doanh thấp dẫn đến đóng cửa và giải thể 03 cửa hàng.
- Các công ty thủy hải sản trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, nhiều công ty phá sản, vỡ nợ 17 đơn vị, diện tích nuôi trồng thu hẹp, khai thác xa bờ, mua bán xăng dầu ở các hải phận quốc tế.
- Thị trường bách hóa cạnh tranh khốc liệt khi có sự xuất hiện của Coop Mart, Metro Chi nhánh Cà Mau. Điện máy Nguyễn Kim, Chợ Lớn và sự phát triển dày đặc của Điện máy Xanh 07 cửa hàng và đặc biệt là sự ra đời của các nhà bán buôn bách hóa từ CB.NLĐ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ra làm riêng đã hình thành một thị trường bách hóa cạnh tranh cực kỳ sinh động và phong phú.
- Hệ thống bán lẻ của Petrolimex mở dày đặc, tất cả các đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu đều xuất hiện tại Cà Mau đã tạo sự cạnh tranh khốc liệt trên mọi mặt .
- Chính sách và cơ chế kinh doanh của một số đối tác thay đổi (khi có thị trường, thị phần ổn định tiếp tục giảm chiết khấu hoa hồng) cùng với chất lượng sản phẩm không đạt không đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng, không cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại dẫn đến tồn kho cao, số dư ngân hàng cao, sản lượng doanh thu sụt giảm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh từ năm 2016 đến nay.
- Chính sách đất đai, tiền lương, an toàn PCCC, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, điện nước, bốc xếp, xăng dầu đã tác động chi phí rất lớn.
- Xử lý khoản lãi chậm nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau theo văn bản số 2791/BTC-TCĐN ngày 03/03/2017 của Cục Tài chính doanh nghiệp-Bộ Tài chính số tiền là 4.175.239.987 đồng.
- Thoái thành công 36,63% vốn nhà nước SCIC cho nhà đầu tư mới Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.



Kết quả sản xuất - kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		5 năm		%
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121	121	128	121	128	121	619	605	94,53
Doanh thu	4.200	4.280	4.200	4.377	4.200	4.073	4.000	4.026	4.050	4.286	20.650	21.042	101,90
LN trước thuế	36	33,50	30,00	33,48	30,00	41,25	31,25	35,17	27,00	30,58	154,25	172,98	112,14
LN sau thuế	27	24,48	23,40	25,50	23,40	31,44	25,00	27,00	21,60	24,23	120,40	132,65	110,17
Cổ tức	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	75	75	100


- Ban điều hành triển khai thực hiện công tác theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển theo đúng định hướng đề ra, đảm bảo lợi ích cổ đông.
- Ban điều hành luôn nhận thức rõ về các điểm mạnh và điểm yếu của Công ty, đồng thời cập nhật những biến động trong môi trường kinh doanh nhằm phân tích và đưa ra chỉ đạo hợp lý. Các thành viên Ban điều hành luôn thực hiện công việc với quyết tâm cao, chỉ đạo các bộ phận phòng ban chức năng nhằm tối đa hóa hiệu quả công việc. Ban Giám đốc thường xuyên thực hiện báo cáo tình hình định kỳ với Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các tình huống bất ngờ, đột xuất.
- Ban điều hành cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, chi trả lương thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội đầy đủ và kịp thời, chú trọng xây dựng mối quan hệ tốt với tập thể người lao động trong Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sau hơn mười năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với sự sở hữu của nhà nước SCIC 36,63%. Qua thực tế đã trải nghiệm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xác định đúng vai trò vị trí của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau với hoạt động kinh doanh chính của Công ty đơn thuần là mua bán hàng nội địa, làm nhà phân phối bán buôn, bán lẻ cho các đầu mối nhập khẩu xăng dầu và các nhà sản xuất, nhà phân phối có thương hiệu, có uy tín trong lĩnh vực bách hóa và điện máy. Với xu thế ngày càng chuyên nghiệp, văn minh và hiện đại thì hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày càng khẳng định và dần hoàn thiện (nhưng chưa đồng bộ vì vướng kho tàng còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng điều kiện để có thể sử dụng xe nâng giảm bớt lao động chân tay,...). Với điều kiện cơ sở vật chất và năng lực tổ chức hiện nay (nhân sự thiếu trầm trọng) và trên cơ sở phát huy những thế mạnh, những ưu điểm của nhiệm kỳ qua và kiên quyết kiện toàn triệt để, khắc phục những mặt nhược điểm, những mặt hạn chế để giữ vững ổn định mới có thể tiếp tục tồn tại và phát triển bền vững trong sự đoàn kết và nỗ lực của cả tập thể lãnh đạo và người lao động.

Vào ngày 23/10/2017 với sự thoái vốn thành công của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC) cho nhà đầu tư Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng tạo luồng sinh khí mới, phấn khởi và an tâm cho người lao động và các đối tác cổ đông.





Vì vậy, với phương châm của năm 2018 “*Tự tin vững bước đi lên*”, tiếp tục tái cấu trúc, kiện toàn mạnh mẽ và toàn diện trên mọi lĩnh vực của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cho năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2022, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2022 với quan điểm chỉ đạo nhất quán và xuyên suốt như sau:

- Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết cao trong giai đoạn khủng hoảng nhân sự, cạnh tranh khốc liệt nhất nhưng vẫn thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở doanh nghiệp.
- Luôn nêu cao vai trò tiên phong tiêu biểu trong quản lý và điều hành của người lãnh đạo, luôn rèn luyện đạo đức trong kinh doanh, luôn xác định tài chính minh bạch, trung thực chính xác. Thực hiện đúng nguyên tắc chế độ quy định pháp luật của nhà nước và nội quy, quy chế của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống kho bãi, cửa hàng trên cơ sở vật chất hiện có. Tiếp tục hoàn thiện nâng cấp các cửa hàng xăng dầu và bách hóa ngày càng khang trang và sạch đẹp.

2018

Các chỉ tiêu 5 năm (2018-2022)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
2	Doanh thu	4.300	4.400	4.500	4.600	4.700
3	Lợi nhuận trước thuế	32	33	34	35	35,5
4	Lợi nhuận sau thuế	25,6	26,4	27,2	28	28,4
5	Cổ tức	15 %	15%	15%	16%	16%



Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2017)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Lê Xuân Trinh	Thành viên
3	Bà Trần Ngọc Diệp	Thành viên
4	Ông Thái Trường An	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
5	Ông Dương Du Minh	Thành viên

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Thông tin đã được nêu ở phần Ban điều hành

Ông Thái Trường An - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Thông tin đã được nêu ở phần Ban điều hành

Ông Lê Xuân Trinh - Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: Ngày 16 tháng 01 năm 1961
- Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường đình Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư địa Vật lý.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
12/2006 – 06/2008	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
07/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam(PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) .
- Số cổ phần nắm giữ: 2.158 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Bà Trần Ngọc Diệp - Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: Ngày 12 tháng 12 năm 1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 28F Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại cơ quan: 08 - 39106990
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
1995 - 1996	Chuyên viên phòng Xuất Dầu Thô – Công ty TM Dầu Khí Petechim
9/1996 – 2/2008	Chuyên viên phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Công ty TM Dầu Khí Petechim
3/2008 – 6/2008	Phó phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Tổng Công ty TM Dầu Khí Petechim
7/2008 – 5/2010	Phó GD Ban Kinh Doanh Sản Phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
6/2010 – 9/2011	Phó Giám đốc Ban Kế Hoạch - Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
9/2011 - 10/2011	Ban công tác thành lập Công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
10/2011 – 8/2012	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
8/2012 – nay	Phó ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.273.490 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Dương Du Minh - Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: Ngày 26 tháng 01 năm 1966
- Nơi sinh: TP. Bạc Liêu – Tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Bạc Liêu
- địa chỉ thường trú: Số 174A, Trần Hưng đạo Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
1987 - 1994	Làm việc tại Ngân hàng Công Thương Thị xã Bạc Liêu
1995 - nay	Làm việc tại Ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau.
04/05/2013	Tại đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2013 được bầu vào Ủy viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch	6/6	100%
2	Lê Xuân Trình	Thành viên	6/6	100%
3	Trần Ngọc Diệp	Thành viên	6/6	100%
4	Thái Trường An	Thành viên	6/6	100%
5	Dương Du Minh	Thành viên	6/6	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-2017	28/03/2017	Thông qua báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2016; Xử lý lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau; Chốt danh sách cổ đông và chương trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến trong tháng 05 năm 2017; Thành lập Cửa hàng phân phối hàng tiêu dùng Hộ Phòng, tỉnh Bạc Liêu.
2	02/NQ-HĐQT-2017	20/04/2017	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
3	03/NQ-HĐQT-2017	27/04/2017	Thông qua thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
4	04/NQ-HĐQT-2017	05/06/2017	Thông qua thông qua giải thể Cửa hàng Điện Máy Năm Căn và Cửa hàng Bách hóa Phường 4; thành lập Chi nhánh Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm phường 4 – thuộc Công ty TNHH MTV Bách Việt; Ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau; Cập nhật, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
5	05/NQ-HĐQT-2017	11/08/2017	thông qua tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017; Thông qua kế hoạch kinh doanh, quỹ lương của Công ty TNHH Một Thành viên Bách Việt năm 2017; Thông qua chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản về kế hoạch kinh doanh năm 2017, cổ tức năm 2017 và chi trả cổ tức 5% còn lại của năm 2016; Ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau.
6	06/NQ-HĐQT-2017	21/11/2017	Thông qua tình hình hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017; Thông qua thay đổi cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CMV), Thông qua quyết định thôi làm người đại diện vốn Nhà nước tại CMV của bà Nguyễn Thị Việt Ánh và ông Thái Trường An, đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Nguyễn Tấn Tài; Thông qua chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 (10%); Thông qua chốt danh sách: xin ý kiến cổ đông về việc chuyển nhượng cổ phần; Xóa nợ khó đòi từ năm 2011 đến 2016.

Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được cập nhật sửa đổi hàng năm theo đúng quy định pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên từng năm và nghiêm túc chấp hành suốt hai nhiệm kỳ qua.

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh thích ứng và các giải pháp thực hiện kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong nhiệm kỳ II (2013-2017) và năm 2017.
- Giám sát và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng Luật công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính trung thực, minh bạch về tài chính, về tình hình hoạt động kinh doanh, qua đó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, cổ đông thực hiện tốt chức năng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2017 của Công ty mẹ và 02 Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu
- Chủ trì và chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần In Bạc Liêu vào ngày 06/05/2017 và Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày 12/05/2017.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2017, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Trần Chí Hiếu	Trưởng Ban
3	Ngô Thế Anh	Thành viên

🚩 Ông Trần Chí Hiếu – Trưởng Ban kiểm soát

- Sinh ngày: Ngày 05 tháng 7 năm 1962
- Nơi sinh: Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: đại học Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
09/1981 - 04/1997	Giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
05/1997 - 11/2007	Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2007 - nay	Giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt.

- Số cổ phần nắm giữ: 74.967 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Ông Ngô Thế Anh - Thành viên Ban kiểm soát

- Sinh ngày: Ngày 15 tháng 07 năm 1983
- Nơi sinh: Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cà Mau.
- địa chỉ thường trú: 72K đường Kinh xáng Bạc Liêu, Khóm 6, Phường 6, TP. Cà Mau
- Số điện thoại: 0977.765875
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
7/2006 - 05/2008	Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh
5/2008 - 02/2011	Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
-

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban điều hành đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của Công ty năm 2017.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý.
- Giám sát việc thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát.

HĐQT và Ban điều hành Công ty đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của Công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lương
1	Hội đồng quản trị	324.000.000
	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	84.000.000
	Ông Lê Xuân Trình	60.000.000
	Bà Trần Ngọc Diệp	60.000.000
	Ông Thái Trường An	60.000.000
	Ông Dương Du Minh	60.000.000
2	Ban kiểm soát	120.000.000
	Trần Chí Hiếu	48.000.000
	Ngô Thế Anh	36.000.000
3	Ban điều hành	2.875.408.921
	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	1.113.689.377
	Ông Thái Trường An	578.322.417
	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	577.903.812
	Ông Phù Chí Anh	605.493.315

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.
- Toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên BKS đã tham gia khóa học về quản trị công ty đã tổ chức trước đây. Tuy nhiên hai Phó Tổng Giám đốc là Ông Phù Chí Anh và Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc chưa có đủ điều kiện tham gia, sẽ cố gắng sắp xếp thời gian để hoàn thành khóa học về Quản trị Công ty trong thời gian tới theo quy định hiện hành.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện GD	Quan hệ với NNB	Số CP SH đầu kỳ		Số CP SH cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Việt Ánh		390.653	3,23%	431.613	3,57%	Nhu cầu tài chính cá nhân
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh - CT HĐQT là người ĐD phần vốn SCIC tại CTCP TN Cà Mau	4.433.425	36,63%	-	-	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Nguyễn Hùng	Em ruột Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	115.822	0,95%	-	-	Nhu cầu tài chính cá nhân
4	Phan Dũng	Chồng Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	113.446	0,94%	-	-	Nhu cầu tài chính cá nhân







BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018 (từ trang 09 đến trang 43) của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và các Công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn")

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1523-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1739-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		563.980.752.678	585.340.410.084
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	77.138.158.424	59.754.355.900
111	1. Tiền		73.798.158.424	52.414.355.900
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.340.000.000	7.340.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		145.286.283.950	138.826.825.824
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	122.993.070.804	111.968.506.219
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.140.614.304	4.854.227.360
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	16.769.782.485	30.227.855.609
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	-	(8.590.622.434)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.6	382.816.357	366.859.070
140	IV. Hàng tồn kho		340.418.147.132	380.804.269.895
141	1. Hàng tồn kho	V.7	340.418.147.132	380.804.269.895
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.138.163.172	5.954.958.465
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	1.363.640	216.127.074
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.128.799.532	5.738.831.391
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	8.000.000	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		105.833.908.170	106.591.167.294
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.068.200.000	2.068.160.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.068.200.000	2.068.160.000
220	II. Tài sản cố định		95.555.784.097	95.629.829.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	59.795.677.505	59.786.227.909
222	- Nguyên giá		142.339.866.101	136.269.978.635
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.544.188.596)	(76.483.750.726)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	35.760.106.592	35.843.601.461
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.388.860.071)	(1.305.365.202)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		978.809.091	2.158.228.364
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	978.809.091	2.158.228.364
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.12	4.644.531.217	5.188.805.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.855.045.983)	(3.310.772.200)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.586.583.765	1.546.144.560
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	2.586.583.765	1.481.699.695
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	64.444.865
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		669.814.660.848	691.931.577.378

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		495.831.673.487	519.404.813.108
310	I. Nợ ngắn hạn		495.426.673.487	519.089.813.108
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	220.902.516.100	137.127.848.292
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	2.013.281.191	1.981.017.880
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	3.418.039.593	6.773.174.168
314	4. Phải trả người lao động	V.16	25.742.438.426	19.132.100.979
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	1.066.134.546	833.288.595
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	873.456.853	1.484.781.758
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	8.247.405.969	9.670.809.952
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	229.198.538.737	339.454.581.006
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	3.964.862.072	2.632.210.478
330	II. Nợ dài hạn		405.000.000	315.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	405.000.000	315.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		173.982.987.361	172.526.764.270
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	173.982.987.361	172.526.764.270
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		121.039.120.000	121.039.120.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.039.120.000	121.039.120.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.231.725.000	770.000.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.688.234.335	20.928.029.036
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.780.142.192	21.110.319.220
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.433.174.202	7.230.128.238
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.346.967.990	13.880.190.982
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.493.765.834	6.929.296.014
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		669.814.660.848	691.931.577.378

Cà Mau, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu  **PHÙ CHỈ ANH**
 Kế toán trưởng  **PHÙ CHỈ ANH**
 Tổng Giám đốc  **NGUYỄN THỊ VIỆT ANH**



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

Ma số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.286.164.100.422	4.027.211.357.118
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	245.262.063	977.146.183
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.285.918.838.359	4.026.234.210.935
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.155.081.549.126	3.906.832.494.190
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.837.289.233	119.401.716.745
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	6.931.116.018	1.081.257.895
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	13.604.714.519	15.377.435.580
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.498.358.369	12.864.434.829
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	108.363.366.444	102.086.662.560
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	27.338.180.080	29.157.619.416
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.537.855.792)	(26.138.742.916)
31	12. Thu nhập khác	VI.8	42.222.872.101	65.726.666.163
32	13. Chi phí khác	VI.9	101.549.987	4.421.322.806
40	14. Lợi nhuận khác		42.121.322.114	61.305.343.357
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.583.466.322	35.166.609.441
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	6.284.978.691	8.162.382.823
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		64.444.865	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.234.042.766	27.004.217.618
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		22.383.626.339	25.340.432.900
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.850.416.427	1.663.784.718
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12a	1.628	1.818
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12b	1.628	1.818

Cà Mau, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu

PHÙ CHỈ ANH

Kế toán trưởng

PHÙ CHỈ ANH

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.583.466.322	35.166.600.441
	2. Điều chỉnh các khoản		16.659.178.113	22.704.890.492
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	7.185.981.255	7.157.405.485
03	- Các khoản dự phòng	V.5-12	(1.541.868.167)	4.187.984.513
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.483.293.344)	(1.631.376.263)
06	- Chi phí lãi vay		12.498.358.369	12.990.876.757
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		47.242.644.435	57.871.490.933
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.522.101.873	(20.399.715.727)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.7	40.386.122.763	(35.796.018.038)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		72.322.293.970	15.012.394.936
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.8	(890.120.636)	314.406.493
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.454.138.093)	(12.705.007.628)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(7.656.466.970)	(7.772.506.566)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.815.882.088	477.500.000
17	s		(1.943.508.803)	(4.211.116.563)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		155.344.810.627	(7.208.572.160)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.984.591.394)	(13.587.493.407)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		48.181.818	268.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	150.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.456.020.617	1.446.995.095
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.480.388.959)	(11.722.316.494)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	2.121.973.269.818	2.030.703.512.941
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(2.232.229.312.087)	(1.987.812.482.063)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.224.576.875)	(19.162.630.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(130.480.619.144)	23.728.400.728
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		17.383.802.524	4.797.512.074
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		59.754.355.900	54.956.843.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	77.138.158.424	59.754.355.900

Người lập biểu

PHÙ CHÍ ANH

Kế toán trưởng

PHÙ CHÍ ANH

Cp. Hưu, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Giám đốc



NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (đầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 23 tháng 10 năm 2017, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC) đã bán 4.433.425 cổ phiếu (tương đương 36,63% vốn điều lệ) và không còn là cổ đông của Công ty.

Ông Thái Trường An và Bà Nguyễn Thị Việt Ánh không còn là người đại diện vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC) theo Quyết định số 405/QĐ-ĐTKDV ngày 06 tháng 11 năm 2017.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. *Danh sách các Công ty con được hợp nhất*

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 232 đường Lý Văn Lâm, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu; hàng mỹ phẩm, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân.	55%	55%	55%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Số 82/4 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ	ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh: Cửa Hàng Xăng dầu Ngô Quyền	Lô 290 đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 599 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 619 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không năm hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền

kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chủ yếu là hàng bán hóa và xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Số liệu so sánh

	Số năm trước	Các điều chỉnh	Số năm trước trình bày lại ⁽¹⁾
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.884	(66)	1.818
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.884	(66)	1.818

⁽¹⁾ Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại trên Báo cáo tài chính do điều chỉnh lại số tiền trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-DHĐ-2017 ngày 12 tháng 05 năm 2017.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	48.833.539.478	35.684.707.964
Tiền gửi ngân hàng	24.964.618.946	16.729.647.936
Các khoản tương đương tiền	3.340.000.000	7.340.000.000
Cộng	<u>77.138.158.424</u>	<u>59.754.355.900</u>

Công ty không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, thẻ chấp đảm bảo vay.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>122.993.070.804</i>	<i>111.968.506.219</i>
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	15.846.409.878	10.504.475.994
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	12.489.868.222	12.253.356.918
Chi nhánh Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	12.191.311.864	12.631.259.659
Cửa hàng Bách hóa An Minh	12.164.564.856	7.983.034.817
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Tp. Cà Mau	11.652.718.017	8.723.263.999
Các khách hàng khác	58.648.197.967	59.873.114.832
Cộng	<u>122.993.070.804</u>	<u>111.968.506.219</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	<i>5.140.614.304</i>	<i>4.854.227.360</i>
Công ty Cổ phần Pin Ae quy Miền Nam	836.127.047	1.597.087.743
Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma san (KG)	542.282.514	466.919.691
Các khách hàng khác	3.762.204.743	2.790.219.926
Cộng	<u>5.140.614.304</u>	<u>4.854.227.360</u>

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	16.769.782.485	-	30.227.855.609	(6.019.822.727)
Ký cược, ký quỹ	8.679.691.190	-	8.377.910.262	-
Phải thu hàng khuyến mãi hộ (*)	4.507.403.736	-	12.520.726.280	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.582.687.559	-	9.329.219.067	(6.019.822.727)
Cộng	16.769.782.485	-	30.227.855.609	(6.019.822.727)

(*) Phải thu hàng khuyến mãi hộ là khoản chi khuyến mãi hộ trước chờ nhà cung cấp trả lại.

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Ký cược, ký quỹ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.186.458.286	-	8.377.910.262	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.400.000.000	-	2.450.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương - Cà Mau	1.018.500.000	-	609.000.000	-
CN Công ty Sữa Vinamilk Việt Nam tại Cần Thơ	846.000.000	-	245.000.000	-
Các khách hàng khác	4.921.958.286	-	5.073.910.262	-
Cộng	8.186.458.286	-	8.377.910.262	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vô bia và nước giải khát.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.068.200.000	-	2.068.160.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.068.200.000	-	2.068.160.000	-
Cộng	2.068.200.000	-	2.068.160.000	-

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khách hàng tại văn phòng Công ty	-	-	185.809.919	89.005.000
Khách hàng tại cửa hàng điện máy Cà Mau	-	-	562.265.640	16.050.305
Khách hàng tại chi nhánh Kiên Giang	-	-	468.762.807	3.255.186
Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm Ngã Năm	-	-	376.314.504	150.668.599
Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện Cái Nước	-	-	153.457.036	2.868.732
Khách hàng tại cửa hàng điện máy Bạc Liêu	-	-	193.610.000	17.364.400
Khách hàng khác	-	-	1.172.334.465	262.542.442
Phải thu khác	-	-	6.019.822.727	-
Cộng	-	-	9.132.377.098	541.754.664

(¹) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(8.590.622.434)	(13.013.632.281)
Trích lập trong năm	(488.834.120)	(3.316.830.562)
Xóa nợ (¹)	8.419.026.285	7.695.829.990
Hoàn nhập dự phòng	660.430.269	44.010.419
Số dư cuối năm	-	(8.590.622.434)

(¹) Xóa nợ khó đòi theo Nghị quyết số 06/NQ-HDQT-2017 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau ngày 21 tháng 11 năm 2017 và biên bản họp ngày 31 tháng 12 năm 2017 về việc xử lý công nợ phải thu khó đòi đến tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Bách Việt.

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.984.361.445	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	165.167.595	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	<u>336.268.618.092</u>	-	<u>380.804.269.895</u>	-
Cộng	<u>340.418.147.132</u>	-	<u>380.804.269.895</u>	-

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ 0 đồng
- Công ty không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ và tiền thuê nhà.

Chi tiết gồm	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	216.127.074	323.058.513
Tăng trong năm	232.363.636	1.675.445.272
Phân bổ trong năm	<u>(447.127.070)</u>	<u>(1.782.376.711)</u>
Số cuối năm	<u>1.363.640</u>	<u>216.127.074</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.481.699.695	1.237.761.485
Tăng trong năm	3.532.633.909	952.558.736
Phân bổ trong năm	<u>(2.427.749.839)</u>	<u>(708.620.526)</u>
Số cuối năm	<u>2.586.583.765</u>	<u>1.481.699.695</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	75.014.707.468	32.184.143.257	29.476.385.334	1.055.101.842	539.640.734	136.269.978.635
2. Tăng trong năm	5.931.625.854	1.088.636.364	47.237.400	-	44.436.364	7.111.935.982
3. Giảm trong năm	-	(634.099.516)	(320.000.000)	(87.949.000)	-	(1.042.048.516)
4. Số cuối năm	78.946.333.322	32.638.680.105	29.203.622.734	967.152.842	584.077.098	142.339.866.101
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	32.667.076.898	25.196.821.521	17.417.912.493	662.299.081	539.640.734	76.483.750.726
2. Tăng trong năm	3.605.912.662	1.532.343.549	1.875.914.157	84.612.654	3.703.364	7.102.486.386
3. Giảm trong năm	-	(634.099.516)	(320.000.000)	(87.949.000)	-	(1.042.048.516)
4. Số cuối năm	36.272.989.560	26.095.065.554	18.973.826.650	658.962.735	543.344.098	82.544.188.596
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	40.347.630.570	6.987.321.736	12.058.472.841	392.802.761	-	59.786.227.909
2. Tại ngày cuối năm	42.673.343.762	6.543.614.551	10.229.796.084	308.190.107	40.733.000	59.795.677.505

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.046.227.708 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	456.143.722	849.221.480	1.305.365.202
2. Tăng trong năm	83.494.869	-	83.494.869
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	539.638.591	849.221.480	1.388.860.071
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	35.843.601.461	-	35.843.601.461
2. Tại ngày cuối năm	35.760.106.592	-	35.760.106.592

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 849.221.480 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	2.158.228.364	4.698.594.416	(5.878.013.394)	978.809.386
Cộng	2.158.228.364	4.698.594.416	(5.878.013.394)	978.809.386

Công ty không có Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để thế chấp bảo đảm vay.

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	8.499.577.200	(3.855.045.983)	4.644.531.217	8.499.577.200
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000
Tổng Công ty TM KT & Dầu tư – Công ty Cổ phần (PETEC) (*)	4.186.371.000	(3.526.196.883)	660.174.117	4.186.371.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	312.000.000	(168.868.900)	143.131.100	312.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	426.000.000	-	426.000.000	426.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	553.706.200	(159.980.200)	393.726.000	553.706.200
Cộng	8.499.577.200	(3.855.045.983)	4.644.531.217	8.499.577.200

(*) Công ty sử dụng báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2017 của Tổng Công ty TM KT & Dầu tư – Công ty Cổ phần (PETEC) để xác định khoản dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.310.772.200)	(2.192.861.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(544.273.783)	(1.117.911.200)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.855.045.983)	(3.310.772.200)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý nên Giá trị hợp lý được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng.

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>123.891.930.390</i>	<i>47.850.847.070</i>
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng (Cổ đông lớn)	13.057.305.230	47.850.847.070
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Chi nhánh Cà Mau (Cổ đông lớn)	110.834.625.160	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>97.010.585.710</i>	<i>89.277.001.222</i>
Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam	8.626.981.140	6.918.084.110
Các khách hàng khác	88.383.604.570	82.358.917.112
Cộng	<u>220.902.516.100</u>	<u>137.127.848.292</u>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	<i>2.013.281.191</i>	<i>1.981.017.880</i>
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu	910.000.000	910.000.000
Báo Bạc Liêu	681.772.834	47.001.840
Các khách hàng khác	421.508.357	1.024.016.040
Cộng	<u>2.013.281.191</u>	<u>1.981.017.880</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.944.324.691	14.668.038.674	(16.624.342.287)	-	988.021.078
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.341.468.013	6.284.978.691	(7.656.466.970)	-	1.969.979.734
Thuế thu nhập cá nhân	-	487.381.464	1.394.733.257	(1.422.075.940)	-	460.038.781
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.058.233.847	(1.058.233.847)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	66.000.000	(58.000.000)	8.000.000	-
Cộng	-	6.773.174.168	23.471.984.469	(26.819.119.044)	8.000.000	3.418.039.593

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Cơ sở trích lập quỹ lương là theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐ-2017 ngày 12 tháng 05 năm 2017. Theo đó, đơn giá tiền lương là 7.000.000 đồng x tổng số lao động là 620 người.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.066.134.546</i>	<i>833.288.595</i>
Chi phí lãi vay phải trả	187.501.599	285.869.129
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	878.632.947	547.419.466
Cộng	<u>1.066.134.546</u>	<u>833.288.595</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	873.456.853	1.484.781.758
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	873.456.853	1.484.781.758
Cộng	<u>873.456.853</u>	<u>1.484.781.758</u>

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

19. Phải trả ngắn hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	4.175.239.987
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	-	4.175.239.987
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.247.405.969	5.495.569.965
Phải trả cổ tức	2.136.370.775	1.781.251.520
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	1.357.736.569	749.939.316
Kinh phí công đoàn	970.844.034	836.792.328
Phải trả khác	3.782.454.591	2.127.586.801
Cộng	<u>8.247.405.969</u>	<u>9.670.809.952</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

19c. Nợ quá hạn thanh toán

Công ty không có Nợ quá hạn thanh toán

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	229.198.538.737	229.198.538.737	339.454.581.006	339.454.581.006
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau⁽¹⁾</i>	175.802.231.577	175.802.231.577	229.479.723.543	229.479.723.543
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau⁽¹⁾</i>	53.396.307.160	53.396.307.160	59.006.359.863	59.006.359.863
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC</i>	-	-	50.968.497.600	50.968.497.600
Cộng	229.198.538.737	229.198.538.737	339.454.581.006	339.454.581.006

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng số 147/2017/NHNT ngày 30 tháng 10 năm 2017 và hợp đồng số 148/2017/NHNT ngày 31 tháng 10 năm 2017

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Thời hạn vay 12 tháng.
- Vay bằng tín chấp.

(ii) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng số Số 17.0102/2017-HỆTDHM/NHCT860-CT THƯƠNG NGHIỆP ngày 03 tháng 5 năm 2017

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ.
- Vay bằng tín chấp.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận^(*)</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.987.633.176	1.883.827.121	-	(1.450.714.542)	2.420.745.755
Quỹ phúc lợi	625.530.711	1.678.225.295	242.637.500	(1.021.323.780)	1.525.069.726
Quỹ thưởng Ban Điều hành	19.046.591	266.121.761	-	(266.121.761)	19.046.591
Cộng	<u>2.632.210.478</u>	<u>3.828.174.177</u>	<u>242.637.500</u>	<u>(2.738.160.083)</u>	<u>3.964.862.072</u>

(*) Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Quỹ khen thưởng	1.606.264.657	277.562.464	1.883.827.121
Quỹ phúc lợi	1.493.183.653	185.041.643	1.678.225.295
Quỹ thưởng Ban Điều hành	236.556.761	29.565.000	266.121.761
Cộng	<u>3.336.005.070</u>	<u>492.169.107</u>	<u>3.828.174.177</u>

22. **Vốn chủ sở hữu**

22a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	-	18.716.363.499	20.749.071.821	6.686.323.239	168.940.878.559
Tăng trong năm trước	-	-	770.000.000	2.596.665.537	25.340.432.900	1.663.784.718	30.370.013.155
Giảm trong năm trước	-	-	-	(385.000.000)	(24.979.185.501)	(1.420.811.943)	(26.784.127.444)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	770.000.000	20.928.029.036	21.110.319.220	6.929.296.014	172.526.764.270
Tăng trong năm	-	-	461.725.000	2.760.205.299	22.383.626.340	1.850.416.427	27.455.973.066
Giảm trong năm	-	-	-	-	(24.713.803.368)	(1.285.946.607)	(25.999.749.975)
Số dư cuối năm	121.039.120.000	1.750.000.000	1.231.725.000	23.688.234.335	18.780.142.192	7.493.765.834	173.982.987.361

22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	24,26%	29.360.240.000	29.360.240.000
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	20,00%	24.207.830.000	-
Nguyễn Ngọc Tuấn	16,63%	20.126.420.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	0,00%	-	44.334.250.000
Cổ đông khác	39,11%	47.344.630.000	47.344.630.000
Cộng	100,00%	121.039.120.000	121.039.120.000

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22d. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm		21.110.319.220
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.383.626.339
Phân phối trong năm:		(24.713.803.368)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.299.870.070)	
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(36.135.000)	
- Quỹ đầu tư phát triển	(2.760.205.298)	
- Chia cổ tức 2016	(6.031.956.000)	
- Tạm chia cổ tức 2017	(12.103.912.000)	
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(461.725.000)	
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm		18.780.142.192

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		14.231.157.328		7.803.768.844
Ngoại tệ các loại (USD)	542,83	8.687.342	542,83	8.687.342

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	2.899.222.474.615	2.740.051.833.025
Doanh thu bán xăng dầu	1.132.500.992.928	1.037.208.931.023
Doanh thu khác	254.440.632.879	249.950.593.070
Cộng	4.286.164.100.422	4.027.211.357.118

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	245.262.063	977.146.183
Cộng	245.262.063	977.146.183

3. Giá vốn bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng hóa	2.846.965.496.691	2.697.852.571.446
Giá vốn hàng bán xăng dầu	1.073.548.176.780	976.688.141.959
Giá vốn khác	234.567.875.655	232.291.780.785
Cộng	4.155.081.549.126	3.906.832.494.190

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	5.095.482.077	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	904.028.141	200.270.632
Lãi bán hàng trả chậm	821.621.200	866.262.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	109.984.600	870.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.854.463
Cộng	6.931.116.018	1.081.257.895

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	12.498.358.369	12.864.434.829
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	544.273.783	1.117.911.200
Chi phí tài chính khác	562.082.367	1.395.089.551
Cộng	<u>13.604.714.519</u>	<u>15.377.435.580</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	78.718.101.267	68.077.542.407
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	7.556.964.919	2.559.772.725
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.810.887.928	5.692.760.101
Chi phí mua ngoài	11.278.214.770	20.272.112.194
Chi phí khác bằng tiền	4.999.197.560	5.484.475.133
Cộng	<u>108.363.366.444</u>	<u>102.086.662.560</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	15.716.037.500	14.681.634.040
Chi phí vật liệu quản lý	272.321.625	224.480.274
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.743.392	31.659.232
Thuế, phí, lệ phí	2.329.002.494	1.692.683.120
Chi phí dự phòng	488.834.120	3.316.830.562
Hoàn nhập dự phòng	(660.430.269)	(44.010.419)
Chi phí mua ngoài	1.829.944.745	1.876.698.921
Chi phí khác bằng tiền	7.334.726.473	7.377.643.686
Cộng	<u>27.338.180.080</u>	<u>29.157.619.416</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ các khoản thưởng, khuyến mại hệ còn thừa	40.333.653.739	53.820.550.267
Thu từ thanh lý tài sản	20.909.091	184.381.168
Thu từ các khoản nợ đã xóa	77.092.000	9.368.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	1.646.000	641.800
Thu nhập khác	1.789.571.271	11.711.724.928
Cộng	<u>42.222.872.101</u>	<u>65.726.666.163</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	100.457.394	73.624.078
Chi phí khác	<u>1.092.593</u>	<u>4.347.698.728</u>
Cộng	<u>101.549.987</u>	<u>4.421.322.806</u>

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm ứng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.583.466.322	35.166.600.441
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>489.764.654</i>	<i>5.429.681.736</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(109.984.600)</i>	<i>(870.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	31.073.230.976	40.596.282.177
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.214.646.195	8.119.256.435
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	<u>70.332.496</u>	<u>43.126.388</u>
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>6.284.978.691</u>	<u>8.162.382.823</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.150.340.465	91.474.347.047
Chi phí nhân công	25.503.604.850	21.922.103.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.185.981.255	7.148.655.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.480.728.676	27.200.133.007
Chi phí khác bằng tiền	<u>17.766.519.344</u>	<u>15.664.676.273</u>
Cộng	<u>170.087.174.590</u>	<u>163.409.914.871</u>

12. Lãi trên cổ phiếu

12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.383.626.339	25.340.432.900
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.676.155.579)	(3.336.005.070)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(2.232.155.579)	(3.299.870.070)
<i>Thưởng HĐQT, BDH và thù lao HĐQT, BKS</i>	(444.000.000)	(36.135.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.707.470.760	22.004.427.830
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>12.103.912</u>	<u>12.103.912</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.628</u>	<u>1.818</u>

(*) Công ty tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-DHĐ-2017 ngày 12 tháng 05 năm 2017. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

12b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.707.470.760	22.004.427.830
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.707.470.760	22.004.427.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>12.103.912</u>	<u>12.103.912</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.628</u>	<u>1.818</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.761.339.985	3.779.618.222
Cổ tức nhận được	1.099.306.275	384.642.500
Cộng	<u>3.860.646.260</u>	<u>4.164.260.722</u>

^(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều Hành.

3b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	838.488.738.420	622.179.217.200
Trả tiền mua hàng	762.447.655.100	596.230.344.940

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

4. Báo cáo theo bộ phận

4a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động xăng dầu</u>	<u>Hoạt động bán hóa</u>	<u>Hoạt động kinh doanh khác</u>	<u>Tổng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.132.500.992.928	2.898.977.212.552	254.440.632.879	4.285.918.838.359
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	<u>1.073.548.176.780</u>	<u>2.846.965.496.691</u>	<u>234.567.875.655</u>	<u>4.155.081.549.126</u>
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.952.816.148	52.011.715.861	19.872.757.224	130.837.289.233
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.037.208.931.023	2.739.074.686.842	249.950.593.070	4.026.234.210.935
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	<u>976.688.141.959</u>	<u>2.697.852.571.446</u>	<u>232.291.780.785</u>	<u>3.906.832.494.190</u>
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.520.789.064	41.222.115.396	17.658.812.285	119.401.716.745

4b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng đã mua thành công 2.012.642 cổ phiếu Công ty, số lượng cổ phiếu sau khi mua thêm là 4.433.425 cổ phiếu (tương đương 36,62% vốn điều lệ).

Cà Mau, ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHÙ CHÍ ANH NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

Phù Chí Anh



Cà Mau, ngày 18 tháng 04 năm 2018
CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Việt Anh